

Tóm tắt

Báo Cáo Phát Triển Con Người Năm 2013



Sự trỗi dậy của các nước Nam bán cầu:

Tiến bộ về con người trong một thế giới đa dạng



Bản quyền © 2013
thuộc về Chương Trình Phát Triển Liên Hợp Quốc
Số 1 UN Plaza, NewYork, NY10017, USA

Bản quyền được bảo hộ. Không được sao chép, tái bản, lưu trữ trong một hệ thống mở, hoặc chuyển tải bất kỳ phần nào của ấn phẩm này dưới bất kỳ hình thức nào như điện tử, in, ghi âm, hình ảnh, hoặc các hình thức khác khi chưa được sự đồng ý.

Ban biên soạn Báo Cáo Phát Triển Con Người 2013

Trưởng ban và chủ biên

Khalid Malik

Nghiên cứu và số liệu

Maurice Kugler (Trưởng nhóm nghiên cứu), Milorad Kovacevic (Trưởng nhóm thống kê), Subhra Bhattacharjee, Astra Bonini, Cecilia Calderón, Alan Fuchs, Amie Gaye, Iana Konova, Arthur Minsat, Shivani Nayyar, José Pineda và Swarnim Waglé

Truyền thông và xuất bản

William Orme (Trưởng nhóm truyền thông), Botagoz Abdreyeva, Carlotta Aiello, Eleonore Fournier-Tombs, Jean-Yves Hamel, Scott Lewis và Samantha Wauchope

Báo cáo phát triển con người các quốc gia

Eva Jespersen (Phó ban), Christina Hackmann, Jonathan Hall, Mary Ann Mwangi và Paola Pagliani

Điều phối và hành chính

Sarantuya Mend (Quản lý hoạt động), Ekaterina Berman, Diane Bouopda, Mamaye Gebretsadik và Fe Juarez-Shanahan

Tóm tắt

Báo Cáo Phát Triển Con Người Năm 2013

Sự trỗi dậy của các nước Nam bán cầu:

Tiến bộ về con người trong một thế giới đa dạng



Xuất bản cho
Chương Trình
Phát Triển
Liên Hợp Quốc
(UNDP)

*Empowered lives.
Resilient nations.*

Lời nói đầu

Báo cáo phát triển con người năm 2013 – Sự trỗi dậy của các nước Nam bán cầu: Tiến bộ về con người trong một thế giới đa dạng – đề cập đến các xu hướng địa chính trị đang hình thành trong thời đại hiện nay, xem xét các vấn đề mới nổi lên và xu hướng, cũng như các nhân tố mới đang góp phần định hình bản đồ phát triển của thế giới.

Báo cáo lập luận rằng sự chuyển mình ấn tượng của nhiều quốc gia đang phát triển trở thành các nền kinh tế lớn năng động với ảnh hưởng chính trị ngày càng sâu rộng đang có tác động đáng kể đến quá trình phát triển con người.

Báo cáo cũng nêu rõ trong vòng một thập kỷ qua, tất cả các quốc gia đã đẩy nhanh tiến độ hoàn thành về giáo dục, y tế, và thu nhập – các tiêu chí được đánh giá trong Chỉ số phát triển con người (HDI) – theo đó không có quốc gia nào trong số được khảo sát có chỉ số HDI năm 2012 thấp hơn năm 2000. Do trong giai đoạn này các quốc gia có chỉ số HDI thấp lại tiến bộ nhanh hơn, giá trị toàn cầu hội tụ tại đây, mặc dù sự tiến bộ không đồng đều trong mỗi khu vực và giữa các khu vực.

Khi xem xét cụ thể sự phát triển con người ở các quốc gia có chỉ số HDI tăng trưởng mạnh trong giai đoạn từ 1999 đến 2012 cả về thu nhập và các phương diện khác của phát triển con người, Báo cáo đã khảo sát các chiến lược giúp những quốc gia này thành công. Dưới góc độ này, Báo cáo năm 2013 đã có đóng góp quan trọng vào tư tưởng phát triển qua việc mô tả cụ thể các yếu tố tác động đến quá trình biến đổi của phát triển và đề xuất các ưu tiên chính sách trong tương lai nhằm duy trì nguồn động lực này.

Báo cáo dự đoán đến năm 2020, chỉ riêng tổng sản lượng của 3 nền kinh tế đang phát triển hàng đầu là Braxin, Trung Quốc và Ấn Độ sẽ vượt qua tổng sản lượng của cả Canada, Pháp, Đức, Ý, Anh và Mỹ cộng lại. Báo cáo cũng chỉ rõ sự tăng trưởng này phần lớn là nhờ các quan hệ hợp tác mới về thương mại và công nghệ giữa các nước Nam bán cầu với nhau.

Mặc dù vậy, thông điệp chính được gửi gắm trong Báo cáo này và các Báo cáo phát triển con người trước đó vẫn là chỉ riêng tăng trưởng kinh tế thì không tự chuyển thành các tiến bộ trong

phát triển con người. Các chính sách hỗ trợ người nghèo và sự đầu tư thích đáng vào năng lực của con người – thông qua việc chú trọng giáo dục, dinh dưỡng, y tế và các kỹ năng lao động – có thể nâng cao khả năng tiếp cận công ăn việc làm và tạo cơ sở cho phát triển bền vững.

Báo cáo năm 2013 đã chỉ ra bốn lĩnh vực cụ thể cần chú trọng để duy trì động lực cho phát triển, đó là: tăng cường bình đẳng, trong đó có bình đẳng giới; đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của người dân, trong đó có giới trẻ; đối mặt với các thách thức về môi trường, và quản lý các biến động về mặt nhân khẩu.

Báo cáo cũng đề xuất rằng bản thân các thách thức đối với sự phát triển toàn cầu đang ngày càng phức tạp và mang tính quốc tế cao hơn nên phối hợp hành động để giải quyết các thách thức của thời đại, cho dù đó là xóa bỏ đói nghèo, biến đổi khí hậu hay vấn đề hòa bình và an ninh. Do các quốc gia ngày càng liên kết chặt chẽ hơn thông qua hoạt động thương mại, nhập cư và công nghệ thông tin liên lạc nên việc các quyết định về chính sách ở nơi này lại có ảnh hưởng đáng kể đến nơi khác không phải là lạ. Các cuộc khủng hoảng về lương thực, tài chính, khí hậu trong những năm gần đây gây ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của rất nhiều người đã chứng minh điều này và cũng cho thấy tầm quan trọng của việc phải hành động để giảm thiểu mức độ dễ bị tổn thương của con người trước các cú sốc và thảm họa.

Đề khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên về tri thức, kỹ năng, và tư duy về phát triển ở Nam bán cầu, Báo cáo kêu gọi sự tham gia của các tổ chức có khả năng tạo điều kiện thuận lợi cho sự hội nhập khu vực và hợp tác Nam-Nam. Sức mạnh đang trỗi dậy của một số nước đang phát triển đã tạo ra các chính sách kinh tế xã hội sáng tạo, đồng thời giúp các quốc gia này ngày càng trở thành những đối tác thương mại, đầu tư và phát triển quan trọng hơn đối với các quốc gia đang phát triển khác.

Rất nhiều quốc gia ở Nam bán cầu đã phát triển nhanh chóng, và kinh nghiệm của họ cũng như sự hợp tác Nam-Nam được coi là động lực cho chính sách phát triển. UNDP có thể đóng

vai trò hữu ích như một người môi giới tri thức, người triệu tập các bên tham gia – bao gồm các chính phủ, tổ chức quần chúng và các công ty đa quốc gia – để chia sẻ kinh nghiệm. Chúng tôi cũng đóng vai trò chính trong việc tạo điều kiện học hỏi và xây dựng năng lực. Báo cáo này cung cấp sự hiểu biết sâu sắc cho việc thực hiện hợp tác Nam Nam trong tương lai.

Cuối cùng, Báo cáo kêu gọi phải nhìn nhận một cách nghiêm túc vai trò của các thể chế quản trị toàn cầu trong việc thúc đẩy hình thành một thế giới công bằng và bình đẳng hơn. Báo cáo chỉ ra các cấu trúc đã lỗi thời, không còn phản ánh đúng thực tiễn kinh tế và địa chính trị, và cần nhắc các phương án lựa chọn cho một kỉ nguyên hợp tác mới. Báo cáo cũng kêu gọi phải tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, và nhấn mạnh vai trò của các tổ chức quần chúng trên toàn cầu trong vấn đề này cũng như trong việc nâng cao quyền quyết định của những người chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất từ các thách thức toàn cầu, thường là những người nghèo nhất và dễ tổn thương nhất trên thế giới.

Trong bối cảnh chúng ta tiếp tục thảo luận chương trình nghị sự phát triển toàn cầu sau năm 2015, tôi hi vọng nhiều người sẽ dành thời gian để đọc Báo cáo này và suy ngẫm các bài học kinh nghiệm đã được rút ra để áp dụng chúng trong thế giới đang biến đổi không ngừng của chúng ta. Báo cáo này giúp thay đổi nhận thức của chúng ta về thực trạng hiện tại của sự phát triển toàn cầu, và cho thấy chúng ta có thể học được gì từ kinh nghiệm tăng trưởng nhanh của rất nhiều quốc gia ở Nam bán cầu.



[Helen Clark](#),

Tổng giám đốc

Chương Trình Phát Triển Liên Hợp Quốc

Nội dung Báo cáo phát triển con người 2013

Lời nói đầu

Lời cảm ơn

Tổng quan

Giới thiệu

CHƯƠNG 1

Tình hình phát triển con người

Tiền bộ của các quốc gia

Hội nhập xã hội

An sinh con người

CHƯƠNG 2

Một phương Nam hội nhập hơn

Tái lập cân bằng: thế giới hội nhập hơn, phương Nam hội nhập hơn

Động lực từ phát triển con người

Đổi mới và tinh thần doanh nhân các nước Nam bán cầu

Các hình thức hợp tác mới

Duy trì đà tiến bộ trong kỷ nguyên không ổn định

CHƯƠNG 3

Động lực cho những bước đột phá trong phát triển

Động lực 1: tâm thế chủ động trong phát triển

Động lực 2: khai thác các thị trường toàn cầu

Động lực 3: đổi mới quyết liệt về chính sách xã hội

CHƯƠNG 4

Duy trì đà phát triển

Ưu tiên chính sách của các quốc gia đang phát triển

Xây dựng mô hình nhân khẩu học và giáo dục

Ảnh hưởng do tốc độ dân số già đi

Nhu cầu phải có những chính sách tham vọng

Chớp thời cơ

CHƯƠNG 5

Quản lý và hợp tác trong một kỷ nguyên mới

Một quan điểm toàn cầu mới về hàng hóa công cộng

Vị thế đại diện xứng đáng hơn cho các nước Nam bán cầu

Xã hội dân sự toàn cầu

Hướng tới chủ nghĩa đa nguyên thông nhất

Chủ quyền có trách nhiệm

Các thể chế và cơ chế mới

Kết luận: đối tác trong một kỷ nguyên mới

Chú thích

Tài liệu tham khảo

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

Hướng dẫn cho độc giả

Chú giải các quốc gia và thứ hạng HDI, 2012

Các bảng số liệu thống kê

1 Chi số phát triển con người và các thành phần

2 Các xu hướng Chi số phát triển con người, 1980–2012

3 Chi số phát triển con người điều chỉnh theo bất bình đẳng

4 Chi số bất bình đẳng giới

5 Chi số nghèo đa chiều

6 Nhu cầu và nguồn lực

7 Y tế

8 Giáo dục

9 Hòa nhập xã hội

10 Mâu dịch quốc tế: các dòng chảy của hàng hóa và dịch vụ

11 Các dòng vốn quốc tế và vấn đề di cư

12 Đổi mới và công nghệ

13 Môi trường

14 Các xu hướng dân số

Các khu vực

Số liệu tham khảo

Phụ lục kỹ thuật: giải thích phương pháp dự báo

Tóm tắt



Trong giai đoạn khủng hoảng tài chính 2008-2009, cả thế giới đã phải chú ý khi nền kinh tế của các nước đang phát triển vẫn không ngừng lớn mạnh trong khi các nền kinh tế phát triển ngừng tăng trưởng. Kể từ đó trở đi, sự trỗi dậy của Nam bán cầu - mà các nước đang phát triển nhìn nhận là việc thiết lập lại sự cân bằng được mong đợi từ rất lâu của thế giới - đã được bàn đến nhiều hơn. Các cuộc bàn luận này thường tập trung vào GDP và tăng trưởng thương mại ở một số quốc gia lớn. Tuy nhiên, ngoài GDP và thương mại, còn có rất nhiều nguồn động lực lớn hơn, liên quan đến rất nhiều quốc gia với các xu thế khó nắm bắt, tiềm ẩn các tác động sâu rộng đến cuộc sống con người, đến công bằng xã hội và quản lý dân chủ ở cả phạm vi quốc gia và quốc tế. Báo cáo này chỉ rõ, sự trỗi dậy của Nam bán cầu vừa là kết quả của việc liên tục đầu tư vào phát triển con người và thành tựu đạt được vừa là cơ hội cho tiên bộ con người ở mức độ cao hơn trên phạm vi toàn thế giới. Để hiện thực hóa điều này đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách ở tầm quốc gia và quốc tế phải biết và hiểu rõ các bài học kinh nghiệm trong công tác hoạch định chính sách được phân tích trong Báo cáo này.

Sự trỗi dậy của các nước Nam bán cầu

Sự trỗi dậy của các nước Nam bán cầu chưa từng thấy cả về tốc độ và quy mô. Trên cơ sở các khái niệm về phát triển con người theo nghĩa rộng, đây được hiểu là câu chuyện về sự tăng trưởng đầy ấn tượng của năng lực cá nhân và quá trình phát triển con người một cách bền vững tại các quốc gia mà phần lớn dân số thế giới đang sinh sống. Việc hàng tỉ người ở nhiều quốc gia cùng tiến lên trên các nấc thang phát triển, như chúng ta đang thấy, sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tạo ra của cải vật chất và sự tiến bộ của con người ở tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Các nước kém phát triển hơn sẽ có nhiều cơ hội mới và có các sáng kiến chính sách sáng tạo, điều này cũng đem lại lợi ích cho cả những nền kinh tế phát triển nhất.

Hầu hết các nước đang phát triển đều gặt hái thành công nhưng trong đó có nhiều quốc gia đặc biệt thành công – có thể gọi đó là “sự trỗi dậy của các nước Nam bán cầu”. Một vài trong số đó đã có những bước tăng trưởng nhanh chóng, điển hình là Braxin, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Mexico, Nam Phi và Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy vậy, các nền kinh tế nhỏ bé hơn cũng có được những thành tựu đáng kể, ví dụ như Bangladesh, Chi Lê, Ghana, Mauritius, Rwanda, Thái Lan và Tunisia (hình 1).

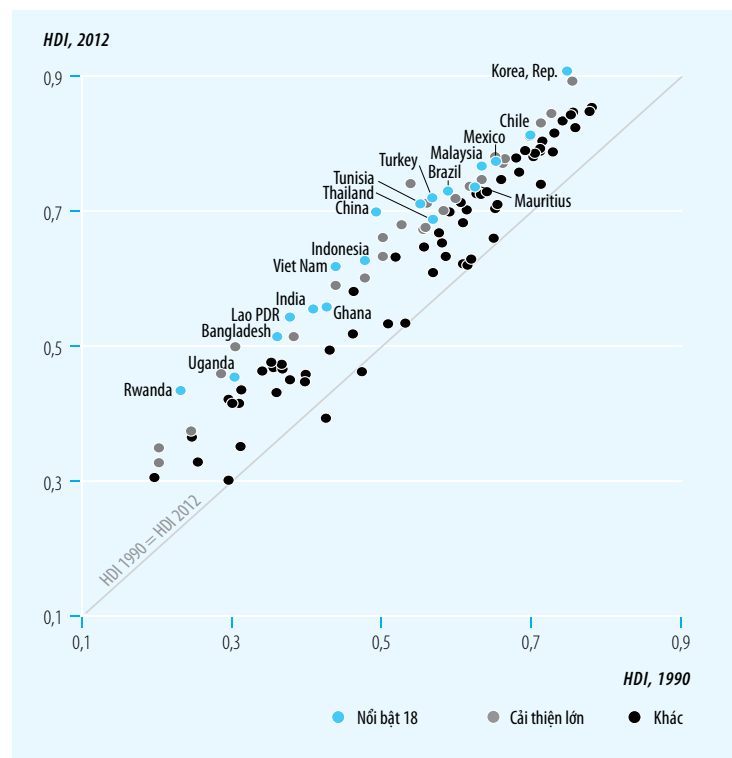
Mặc dù tập trung vào sự trỗi dậy của Nam bán cầu và các tác động của nó đến phát triển con người, Báo cáo về phát triển con người năm 2013 cũng đề cập đến thế giới nói chung đang biến động không ngừng phần nhiều bởi sự trỗi dậy của Nam bán cầu, về các thách thức mới nảy sinh (trong số đó có cả những thách thức là kết

quả của chính thành tựu phát triển này) cũng như những cơ hội mới cho các nhà quản lý trong khu vực và trên thế giới.

Lần đầu tiên trong vòng 150 năm, tổng sản lượng của ba nền kinh tế hàng đầu trong số các nước đang phát triển là Braxin, Trung Quốc và

HÌNH 1:

Hơn 40 nước ở Nam bán cầu có mức tăng chỉ số HDI trong giai đoạn 1990-2012 cao hơn nhiều so với dự đoán dựa trên cơ sở chỉ số HDI năm 1990



Ghi chú: Các nước nằm phía trên đường 45 độ có chỉ số HDI năm 2012 cao hơn so với năm 1990. Các điểm màu xám và đen để chỉ các quốc gia có mức độ tăng chỉ số HDI từ 1990 đến 2012 cao hơn nhiều so với dự đoán (dựa trên giá trị HDI của các nước này năm 1990). Các quốc gia này được xác định dựa trên xem xét mức độ chênh lệch giữa kết quả hồi quy mức tăng trưởng HDI từ năm 1990 đến năm 2012 so với số liệu dự báo dựa trên số liệu HDI ban đầu năm 1990. Quốc gia được ghi tên trên biểu đồ là nhóm có tốc độ tăng trưởng HDI nhanh, sẽ được phân tích cụ thể hơn ở Chương 3.
Nguồn: Theo tính toán của HDRO

Phương Nam đang nổi lên bên cạnh phương Bắc như là nơi ươm mầm cho các cải tiến kĩ thuật và sáng kiến kinh doanh

Ấn Độ tương đương với tổng GDP của những nền công nghiệp lâu đời ở phương Bắc là Canada, Pháp, Đức Ý, Anh và Mỹ. Điều này thể hiện một sự điều chỉnh lớn của kinh tế thế giới: Năm 1950, cả Braxin, Trung Quốc và Ấn Độ cộng lại chỉ chiếm 10% nền kinh tế thế giới trong khi sáu cường quốc kinh tế truyền thống ở phía Bắc chiếm đến hơn một nửa. Báo cáo này dự đoán, đến năm 2050 Braxin, Trung Quốc và Ấn Độ sẽ cùng nhau nắm giữ 40% tổng sản lượng của toàn thế giới (hình 2), vượt xa tổng sản lượng ước tính của nhóm G7 hiện tại.

Tầng lớp trung lưu ở các nước Nam bán cầu đang tăng mạnh cả về quy mô, thu nhập và kì vọng (hình 3). Một số lượng lớn dân số ở phía Nam – nghĩa là hàng tỉ người dân và người tiêu dùng – sẽ nhân rộng các kết quả của những hành động nhằm phát triển con người của các chính phủ, công ty và những tổ chức quốc tế ở Nam bán cầu. Phương Nam đang nổi lên bên cạnh phương Bắc như là nơi ươm mầm cho các cải tiến kĩ thuật và sáng kiến kinh doanh. Trong quan hệ thương mại Bắc-Nam, các nước công nghiệp

mới đã xây dựng được năng lực để có thể sản xuất có hiệu quả các sản phẩm phức tạp cho thị trường các nước phát triển. Mặt khác, sự tương tác Nam-Nam cũng tạo điều kiện cho các nước ở Nam bán cầu thích nghi và đổi mới sản phẩm cũng như quy trình sản xuất để phù hợp hơn nhu cầu nội địa.

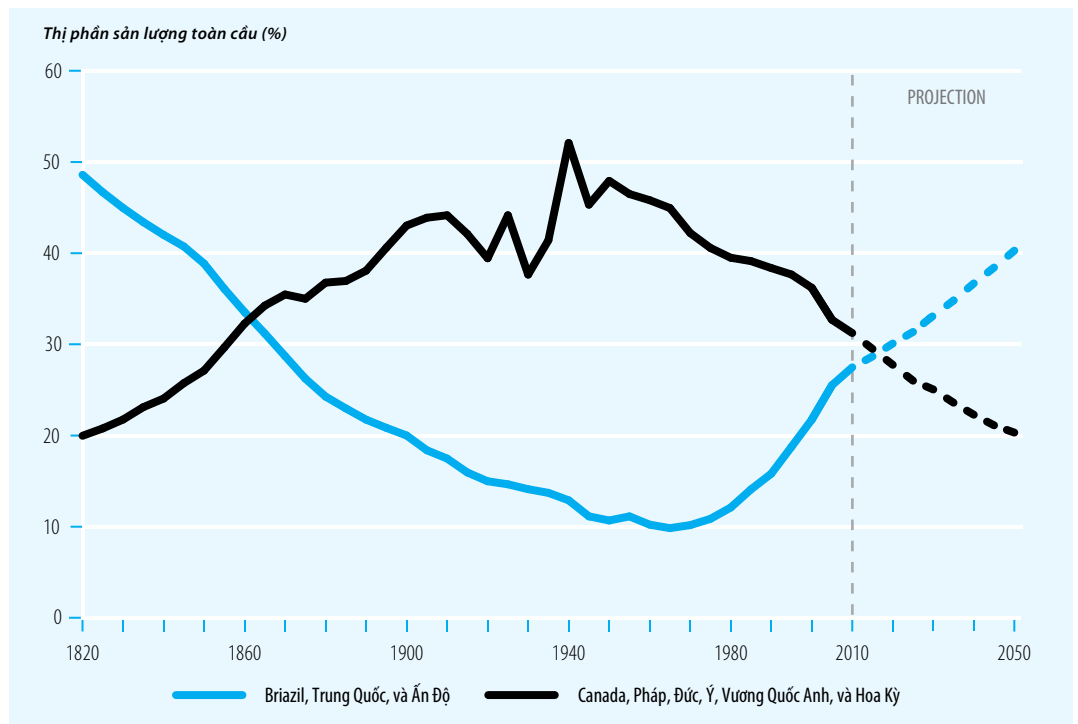
Tình hình phát triển con người

Chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2012 cho thấy nhiều tiến bộ. Trong vài thập kỉ qua, các quốc gia trên thế giới đang cùng hướng đến phát triển con người ở mức cao hơn. Tốc độ tăng trưởng HDI đạt cao nhất ở các nước thuộc nhóm có mức phát triển con người thấp và trung bình. Đây là tín hiệu đáng mừng. Tuy nhiên chỉ cải thiện về HDI thì chưa đủ. Sẽ không bền vững nếu tăng HDI đi kèm với bất bình đẳng về thu nhập ngày càng gia tăng, tiêu dùng không bền vững, chi phí cao cho quân sự và sự gắn kết xã hội kém.

Một phần thiết yếu trong phát triển con người là sự bình đẳng. Mọi người đều có quyền sống

HÌNH 2

Brazil, Trung Quốc và Ấn Độ được dự đoán sẽ chiếm 40% tổng sản lượng của kinh tế toàn cầu vào năm 2050, so với mức 10% vào năm 1950



Ghi chú: Sản lượng tính theo đôla Mỹ theo sức mua tương đương năm 1990

Nguồn: Nội suy của HDRO dựa trên số liệu lịch sử từ Maddison (2010) và các mô hình dự đoán của Trung tâm Pardee Center for International Futures.

một cuộc sống viên mãn, đầy đủ theo những giá trị và nguyện vọng của mình. Không ai phải chịu một cuộc sống ngăn ngùi hay khổ sở chỉ vì họ vô tình “sinh nhầm” vào một giai cấp, một đất nước, một chủng tộc, hay một giới tính yếu thế nào đó. Bất bình đẳng sẽ làm giảm tốc độ phát triển con người, thậm chí trong một số trường hợp, sẽ chặn đứng hoàn toàn sự phát triển. Trên phạm vi toàn cầu trong hai thập kỉ qua, bất bình đẳng về y tế và giáo dục được cải thiện hơn nhiều so với bất bình đẳng về thu nhập (hình 4). Hầu như tất cả các nghiên cứu trên thế giới đều có chung nhận định rằng bất bình đẳng về thu nhập trên toàn cầu còn đang ở mức cao, mặc dù không có sự đồng nhất trong các xu hướng gần đây.

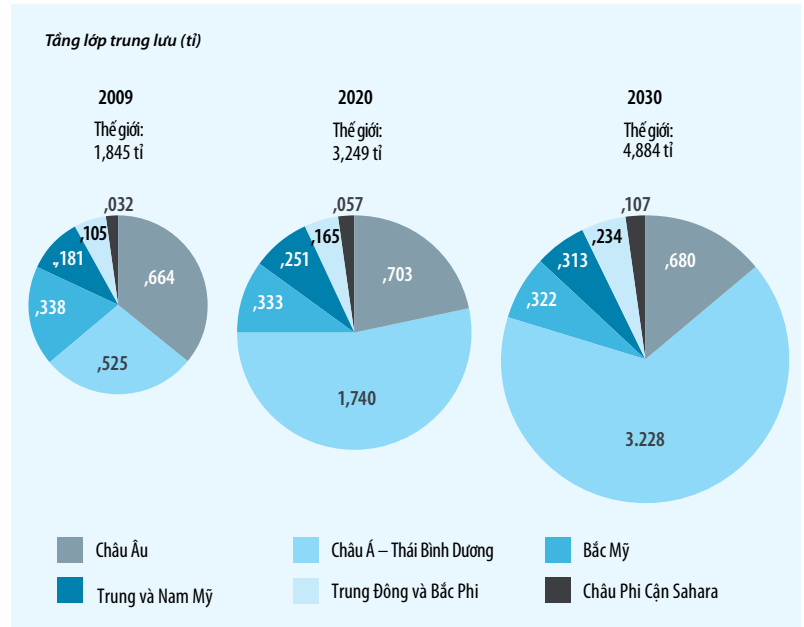
Một Nam bán cầu hội nhập hơn

Sản xuất toàn cầu đang trong một quá trình tái phân bố chưa từng có trong vòng 150 năm qua. Trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nhân lực và sáng kiến xuyên biên giới đã tăng rất mạnh. Năm 2011 hoạt động thương mại chiếm đến gần 60% tổng sản lượng toàn cầu. Trong đó các nước đang phát triển đóng một vai trò quan trọng (ô số 2): từ năm 1980 đến năm 2010, các nước này đã góp phần tăng tỉ trọng trong hoạt động mậu dịch hàng hóa toàn cầu từ 25% lên 47% và tỉ trọng trong tổng sản lượng toàn cầu từ 33% lên 45%. Các khu vực đang phát triển cũng tăng cường và củng cố mối liên hệ với nhau: trong giai đoạn 1980 – 2010, tỉ trọng của quan hệ thương mại Nam-Nam trong mậu dịch hàng hóa toàn cầu đã tăng từ 8.1% lên 26.7% (hình 5).

Sự tăng trưởng của các nước đang phát triển Nam bán cầu không đồng nhất. Ví dụ, hầu hết trong số 49 quốc gia kém phát triển nhất có tốc độ tăng trưởng chậm hơn, đặc biệt là các nước bị cô lập hoặc tách biệt với các thị trường trên thế giới. Mặc dù vậy, rất nhiều quốc gia trong số này đã bắt đầu được hưởng lợi từ hoạt động thương mại, đầu tư, tài chính và chuyển giao kỹ thuật Nam-Nam. Ví dụ, tăng trưởng của Trung Quốc đã có tác động lan tỏa tích cực sang các nước đang phát triển khác, đặc biệt là các đối tác thương mại gần gũi. Những lợi ích này đã phần nào bù đắp cho sự sụt giảm nhu cầu từ các nước phát triển. Lẽ ra tăng trưởng ở các nước thu nhập thấp đã thấp hơn khoảng 0.3 - 1.1% nếu tăng trưởng của Trung Quốc và Ấn Độ trong giai đoạn 2007 - 2010 cùng sụt giảm như các nước phát triển.

HÌNH 3:

Tầng lớp trung lưu ở Nam bán cầu được dự đoán sẽ tiếp tục tăng trưởng



Ghi chú: Tầng lớp trung lưu là những người có thu nhập hoặc chi tiêu trong khoảng từ 10 USD đến 100 USD một ngày (theo cách tính sức mua tương đương tại thời điểm năm 2005)
 Nguồn: Viện Brookings 2012

Rất nhiều quốc gia cũng được hưởng lợi từ việc tăng trưởng lan tỏa sang các lĩnh vực có đóng góp vào phát triển con người, đặc biệt là y tế. Các công ty của Ấn Độ đang sản xuất thuốc men, thiết bị y tế và các sản phẩm dịch vụ công nghệ thông tin giá rẻ cho các nước châu Phi. Các công ty của Braxin và Nam Phi cũng đang làm tương tự ở thị trường khu vực.

Mặc dù vậy, hoạt động xuất khẩu từ các quốc gia lớn hơn cũng có nhiều bất cập. Các nước lớn sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh lên các nước nhỏ hơn, từ đó có thể kìm hãm quá trình đa dạng hóa và công nghiệp hóa nền kinh tế. Tuy nhiên cũng có những ví dụ về việc cạnh tranh khốc liệt dẫn đến sự phục hồi của công nghiệp. Vai trò cạnh tranh trong hiện tại có thể dễ dàng chuyển thành vai trò hợp tác bổ sung cho nhau trong tương lai. Việc chuyển từ cạnh tranh sang hợp tác còn tùy thuộc vào các chính sách đối phó với những thách thức mới.

Các nhận tố thúc đẩy sự biến đổi của phát triển

Rất nhiều quốc gia đã có được những tiến bộ đáng kể trong vòng hai thập kỉ qua: sự trỗi dậy của Nam bán cầu diễn ra ở quy mô tương đối

Sự tăng trưởng của các nước đang phát triển Nam bán cầu không đồng nhất

Cuộc sống của một con người là như thế nào?

Gần nửa thế kỉ trước, nhà triết học Thomas Nagel đã viết một bài báo nổi tiếng có tên gọi “Cuộc sống của một con dơi là như thế nào?” Câu hỏi tôi muốn đặt ra là: “Cuộc sống của một con người là như thế nào?” Thực chất, bài báo sáu sắc của Tom Nagel trên tạp chí The Philosophical Review cũng là về con người, không liên quan gì nhiều đến dơi. Trong số các luận điểm của mình, Nagel bày tỏ thái độ đặc biệt hoài nghi với việc các nhà khoa học cố gắng mô tả cảm giác làm một con dơi là như thế nào thông qua theo dõi các hiện tượng tự nhiên của não bộ và các bộ phận cơ thể khác của chúng có thể dễ dàng quan sát từ bên ngoài. Điều này cũng tương tự như việc mô tả cảm giác làm một con người là như thế nào. Cảm giác được làm dơi hay làm người không thể chỉ được đánh giá bằng vài phản ứng nhất định của não hoặc cơ thể. Vấn đề này quá phức tạp để có thể được giải quyết bằng các phương pháp để dãi như vậy (mặc dù phương pháp này có sức hấp dẫn rất lớn đối với các nhà nghiên cứu).

Phương pháp tiếp cận tân tiến nhất hiện nay trong nghiên cứu vấn đề phát triển con người cũng dựa trên kỹ thuật so sánh, đổi chiều – dù có khác một chút so với sự đổi lập cơ bản mà Nagel nói tới. Phương pháp tiếp cận mà Mahbub-ul-Haq khởi xướng qua loạt Báo cáo phát triển con người từ năm 1990 dựa trên sự đổi chiều giữa một bên là sự đa dạng, nhiều mặt, phức tạp của đời sống con người, bao gồm các quyền tự do mà con người trân trọng (mà việc đánh giá rất khó khăn), với một bên là việc thông kê thu nhập cũng như các nguồn ngoại lực mà con người – hoặc các quốc gia – có được (dễ hơn rất nhiều). Tổng thu nhập quốc nội (GDP) có thể được quan sát và đo lường một cách dễ dàng hơn nhiều so với việc đo lường chất lượng cuộc sống con người. Tuy nhiên, sự sung mãn, hạnh phúc và tự do của con người, cũng như mối liên hệ của con người với bình đẳng và công bằng trên thế giới không thể chỉ tính toán đơn giản bằng GDP hay tốc độ tăng trưởng, như rất nhiều người vẫn đang có ý định làm.

Thừa nhận sự phức tạp nội tại trong phát triển con người là rất quan trọng, một phần vì chúng ta không nên lạc hướng sang việc cố gắng thay đổi vấn đề: đây là điểm cốt yếu thúc đẩy Mahbub-ul-Haq dấn tâm đi đầu trong việc bổ sung – và thậm chí là thay thế - chỉ số GDP. Nhưng một vấn đề phức tạp hơn lại nảy sinh, đây cũng là phần không thể tránh khỏi của cái gọi là “phương pháp tiếp cận về phát triển con người”. Để thuận tiện, chúng ta thường sử dụng nhiều chỉ số đơn giản về phát triển con người, ví dụ như HDI - chỉ dựa trên duy nhất ba biến số để định lượng. Nhưng không thể chỉ dừng lại ở đó. Dĩ nhiên chúng ta không nên loại bỏ những phương thức đơn giản nhưng hữu dụng và khả thi – HDI có thể cho chúng ta biết nhiều về chất lượng sống của con người hơn GDP. Nhưng mặt khác chúng ta cũng không thể tự thỏa mãn với các kết quả có được ngay tức thì từ các phương pháp này trong bối cảnh một thế giới phức tạp và không ngừng vận động. Đánh giá chất lượng cuộc sống là một vấn đề hết sức phức tạp, không thể chỉ qua một con số, cho dù chúng ta có lựa chọn các biến số hay quy trình đo lường cẩn thận kĩ càng đến đâu đi chăng nữa.

Việc nhận thức được tính phức tạp của vấn đề còn có nhiều ý nghĩa quan trọng khác nữa. Sự thừa nhận vai trò then chốt của tranh luận công khai, được đặc biệt nhấn mạnh trong Báo cáo phát triển con người này, cũng bắt nguồn một phần từ việc nhận thức được sự phức tạp ấy. “Chỉ những người đi giày mới biết những đôi giày đó có gây đau chân hay không.” Chúng ta sẽ không thể giải quyết “những đôi giày gây đau chân” đó một cách có hiệu quả nếu không cho phép người dân được lên tiếng và cho họ cơ hội được thảo luận công khai. Giá trị của các biện pháp đánh giá mức độ hạnh phúc và tự do của con người chỉ có thể được nhận thức và đánh giá chính xác thông qua việc thúc đẩy đối thoại, trao đổi thường xuyên rộng rãi trong dân chúng, và giúp những đối thoại đó tác động lên quá trình xây dựng chính sách. Ý nghĩa chính trị của các phong trào như Mùa xuân Ả rập và các phong trào quần chúng khác trên thế giới cũng quan trọng như ý nghĩa về mặt lý luận của việc người dân được bày tỏ ý kiến cá nhân, đối thoại với mọi người về những vấn đề ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của họ và những bất công mà họ muốn xóa bỏ. Vẫn còn nhiều điều cần phải bàn bạc – giữa người dân với nhau và với những người giữ vai trò hoạch định chính sách của các chính phủ.

Trách nhiệm đối thoại, khi được nhận thức đúng mức xuyên suốt qua các cấp quản lí, còn phải bao gồm việc đại diện cho cả lợi ích của những người không thể tự lên tiếng về các vấn đề họ quan tâm. Phát triển con người không thể bằng quan với những cư dân của thế hệ tương lai chỉ vì những cư dân đó chưa ra đời. Con người có khả năng suy nghĩ cho người khác và cho chính cuộc sống của họ, và một nền chính trị có trách nhiệm là phải mở rộng đối thoại từ các vấn đề nhỏ hẹp của mỗi cá nhân thành nhận thức xã hội rộng hơn về tầm quan trọng của các nhu cầu và quyền tự do của toàn thể con người nói chung, ở cả hiện tại và tương lai. Không chỉ đơn giản là đưa hết các vấn đề đó vào một chỉ tiêu duy nhất – ví dụ như việc ra sức bổ sung thêm các biến số vào chỉ số HDI vốn dĩ đã quá tải (là chỉ số chỉ thể hiện mức độ hạnh phúc và tự do của con người trong hiện tại) – mà là đảm bảo rằng các vấn đề này phải được nói đến khi bàn về phát triển con người. Các Báo cáo phát triển con người có thể tiếp tục đóng góp vào việc mở rộng đối thoại này thông qua việc diễn giải và trình bày các thông tin, số liệu có liên quan.

Phương pháp tiếp cận về phát triển con người là một thành tựu nổi bật trong việc giải bài toán khó về nhận thức những cái được và mất của cuộc sống con người, trong việc đánh giá đúng tầm quan trọng của nhìn nhận và đối thoại, và qua đó tăng cường bình đẳng và công lý trên thế giới. Chúng ta có thể cũng giống như loài dơi, không dễ dàng để các nhà khoa học thiếu kiên nhẫn tiếp cận nghiên cứu, đánh giá với những thiết bị đo đạc của họ, nhưng chúng ta lại có khả năng suy nghĩ, bàn luận về cuộc sống vốn dĩ đa chiều của chúng ta và của người khác – trong hiện tại và tương lai – theo các cách mà loài dơi không thể làm được. Làm người vừa giống lại vừa không giống loài dơi.

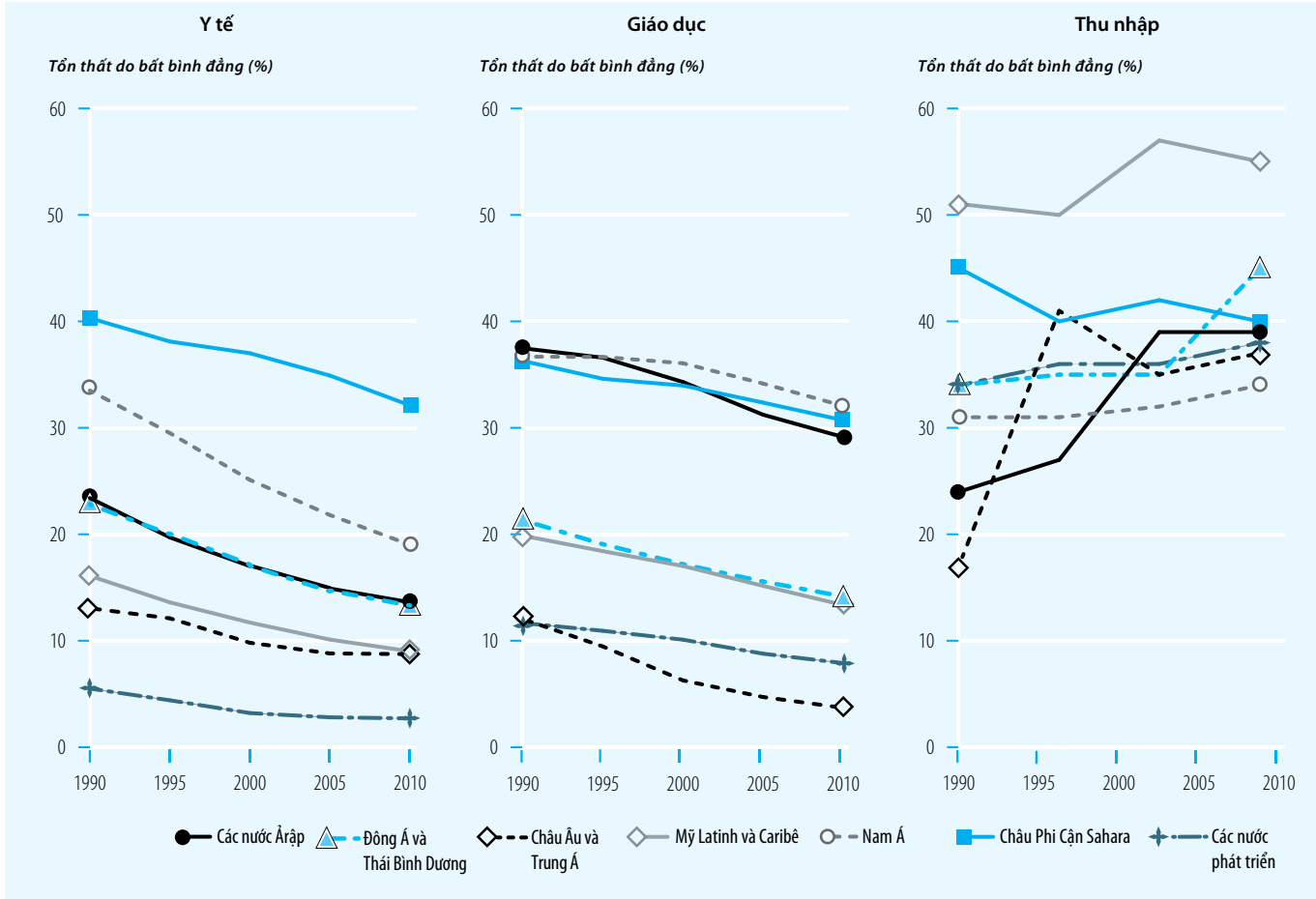
lớn. Tuy nhiên với một số nước đặc biệt thành công thì không chỉ thu nhập quốc dân được nâng cao mà các chỉ tiêu xã hội như y tế và giáo dục cũng được cải thiện đáng kể (hình 6).

Làm cách nào mà nhiều quốc gia ở Nam bán cầu có thể biến đổi tiềm năng phát triển con người ở quốc gia mình như vậy? Ở hầu hết các quốc gia này, có ba nhân tố đáng chú ý tác động đến phát triển, đó là: một chính phủ chủ động trong tăng

trường, khai thác được tác động của thị trường toàn cầu, các cải tiến và chính sách xã hội kiên quyết. Các tác nhân này không bắt nguồn từ những quan niệm trừu tượng, sách vở về việc phát triển phải như thế nào, thay vào đó, chúng được chứng minh qua chính những kinh nghiệm phát triển trời dậy thực tế của nhiều quốc gia phương Nam. Trên thực tế, những tác nhân này thách thức các phương pháp tiếp cận chuẩn tắc và định sẵn: một

HÌNH 4

Bất bình đẳng về thu nhập tăng trong khi bất bình đẳng về y tế và giáo dục lại giảm ở hầu hết các khu vực



Ghi chú: Thiệt hại do bất bình đẳng về y tế được tính toán dựa trên số liệu từ 182 quốc gia có tính đến tỷ trọng về dân số. Tương tự, thiệt hại do bất bình đẳng về giáo dục được tính toán dựa trên mẫu tương ứng gồm 144 quốc gia, và thiệt hại do bất bình đẳng về thu nhập dựa trên 66 quốc gia. Số liệu về bất bình đẳng thu nhập từ Milanović (2010) có đến năm 2005.
Nguồn: Theo tính toán của HDRO dựa trên số liệu về y tế từ bảng thống kê tuổi thọ của Ủy ban về các vấn đề kinh tế và xã hội của Liên hợp quốc, số liệu giáo dục từ Barro & Lee (2010), và số liệu về bất bình đẳng thu nhập từ Milanović (2010)

mặt, chúng bỏ qua nhiều nguyên tắc quản lý tập trung cũ kỹ; mặt khác, chúng cũng không tuân thủ những khái niệm tự do hóa không giới hạn được cổ súy trong chính sách Đồng thuận Washington.

Tác nhân thứ nhất: Một chính phủ chủ động trong tăng trưởng

Một nhà nước vững mạnh, chủ động và có trách nhiệm, hoạch định chính sách cho cả khu vực quốc doanh và tư nhân dựa trên tầm nhìn và sự lãnh đạo dài hạn, trên các chuẩn mực và giá trị chung, trên các nguyên tắc và thể chế giúp hình thành lòng tin và sự đoàn kết. Để hoàn thành quá trình chuyển đổi lâu dài và khó khăn này, các quốc gia phải tiếp cận vấn đề phát triển một cách cân bằng và bền vững. Tuy nhiên, các nước đã thành công trong tăng trưởng bền vững về thu nhập và phát triển

con người không chỉ làm theo một công thức giản đơn. Đối mặt với các thách thức khác nhau, họ đã áp dụng nhiều phương pháp trong điều hành thị trường, khuyến khích xuất khẩu, phát triển công nghiệp và cải tiến kỹ thuật. Phải ưu tiên lấy con người làm trọng tâm, mở ra các cơ hội mới nhưng đồng thời phải bảo vệ con người khỏi các rủi ro bất lợi. Chính phủ có thể bảo hộ cho các ngành nghề không thể tự phát triển được do thị trường không hoàn hảo. Mặc dù điều này gây ra một số rủi ro chính trị như tình trạng mưu cầu đặc lợi hay chủ nghĩa thân hữu nhưng nó đã giúp một số quốc gia ở phía Nam chuyển đổi các ngành nghề trước đây bị coi là không có hiệu quả thành các tác nhân ban đầu thúc đẩy xuất khẩu khi nền kinh tế của các nước này mở cửa hội nhập hơn.

Trong các xã hội lớn và phức tạp, tác động của một chính sách cụ thể thường rất khó dự báo. Các

Hội nhập của Nam bán cầu trong sự phát triển con người và nền kinh tế thế giới

Xét trong mẫu gồm 107 nước đang phát triển trong giai đoạn 1990-2010, khoảng 87% được coi là đã hội nhập toàn cầu: các quốc gia này có tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng tăng, có nhiều quan hệ mật dịch có giá trị lớn¹ và duy trì được tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng cao so với các nước có mức thu nhập tương đương². Những nước đang phát triển này cũng có mối liên hệ chặt chẽ hơn nhiều với thế giới và giữa bản thân các nước đó với nhau: mức độ sử dụng Internet đã gia tăng mạnh mẽ, với mức tăng trưởng trung bình hàng năm về số người sử dụng Internet vượt mức 30% trong giai đoạn 2000-2010.

Mặc dù không phải tất cả các nước đang phát triển đã hội nhập toàn cầu đều có được những thành tựu nhanh chóng về chỉ số phát triển con người (HDI) nhưng điều ngược lại là đúng. Trong giai đoạn từ 1990 đến 2012, hầu hết tất cả các nước có mức cải thiện về HDI lớn nhất trong số các nước đang phát triển (ít nhất là 45 nước trong mẫu được xét ở đây) chính là những quốc gia hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới trong vòng 2 thập kỉ qua; mức tăng trung bình về tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng của các nước này cao hơn 13% so với nhóm các nước đang phát triển có mức độ cải thiện HDI thấp hơn. Điều này cũng phù hợp với các phát hiện trước đó rằng các quốc gia có xu hướng mở cửa hội nhập nhiều hơn cùng với quá trình phát triển.³

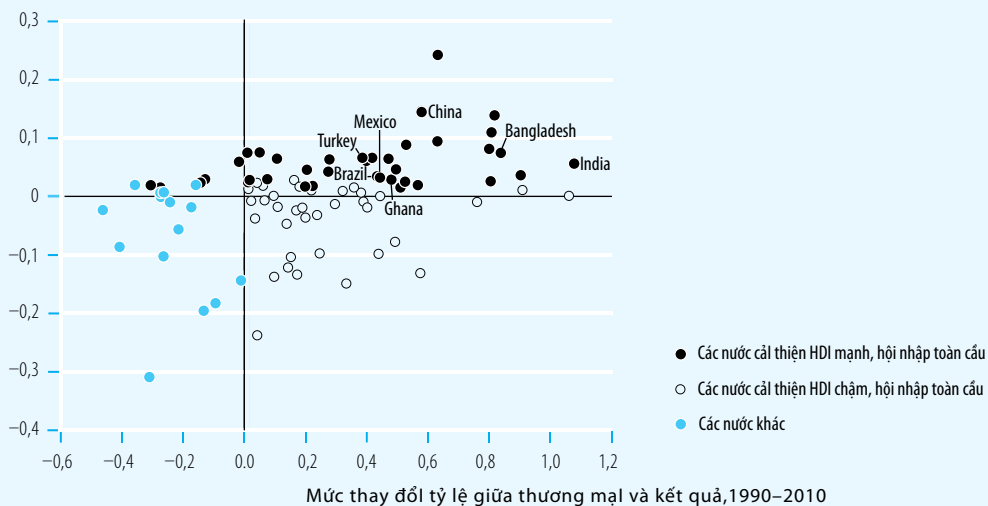
Các quốc gia tăng cường hội nhập với mức độ cải thiện nhiều về HDI không chỉ bao gồm các nước lớn vốn thường là tâm điểm của sự chú ý, mà

còn bao gồm nhiều nước nhỏ và kém phát triển hơn. Từ đó hình thành nên các nhóm lớn và đa dạng hơn nhóm các nền kinh tế mới nổi, được gọi tên theo các từ viết tắt như BRICS (gồm Braxin, Liên bang Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi), IBSA (gồm Ấn Độ, Braxin và Nam Phi), CIVETS (gồm Columbia, Indonesia, Việt Nam, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ và Nam Phi) và MIST (gồm Mexico, Indonesia, Hàn Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ).

Biểu đồ dưới đây cho thấy mức độ cải thiện về HDI4 so với thay đổi về tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng của nền kinh tế, một chỉ tiêu thể hiện mức độ hội nhập đầu vào các thị trường toàn cầu. Hơn 4/5 các nước đang phát triển này có tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng tăng trong giai đoạn 1990-2012. Nổi bật trong nhóm các nước đồng thời cải thiện đáng kể về HDI là Indonesia, Pakistan và Venezuela, ba nước lớn tham gia sâu rộng vào thị trường thế giới, có hoạt động xuất nhập khẩu với hơn 80 quốc gia. Hai quốc gia nhỏ bé hơn với tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng giảm (Mauritius và Panama) vẫn tiếp tục trao đổi mật dịch ở mức cao hơn rất nhiều so với dự đoán cho các nước có mức thu nhập tương đương. Các quốc gia vừa tăng tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng vừa cải thiện đáng kể HDI trong giai đoạn 1990-2012 được nêu tên ở góc phần tư phía trên bên phải trong biểu đồ. Các quốc gia nằm ở góc phần tư phía dưới bên phải (bao gồm Kenya, Philippines và Nam Phi) có tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng tăng nhưng lại chỉ cải thiện khiêm tốn về HDI.

Phát triển con người và mở rộng thương mại ở Nam bán cầu

Mức tăng tương ứng chỉ số HDI, 1990-2012



Ghi chú:

1. Thương mại hai chiều vượt 2 tỉ đô la Mỹ trong giai đoạn 2010-2011.

2. Dựa trên kết quả hồi quy của tỉ trọng thương mại trong tổng thu nhập quốc nội GDP trên thu nhập đầu người giữa các quốc gia có tính tới quy mô dân số và khó khăn về vị trí địa lý.

3. Xem Rodrik (2001)

4. Mức cải thiện tương đối của HDI được tính bằng giá trị chênh lệch của kết quả hồi quy tăng trưởng HDI từ năm 1990 đến năm 2012 so với số liệu dự báo dựa trên số liệu HDI ban đầu năm 1990. Năm quốc gia được đánh dấu bằng màu xám ở góc phần tư phía trên bên trái đã cải thiện đáng kể về HDI nhưng lại giảm tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng trong giai đoạn 1990-2010, mặc dù các nước này hoặc là vẫn duy trì được nhiều quan hệ thương mại quốc tế có giá trị lớn hoặc đã trao đổi mật dịch ở mức lớn hơn nhiều so với dự đoán cho các nước có mức thu nhập tương đương tính theo đầu người. Các quốc gia được đánh dấu bằng màu xám ở góc phần tư phía trên bên phải và phía dưới bên phải chỉ cải thiện khiêm tốn về HDI trong giai đoạn 1990-2012 nhưng lại tăng tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng hoặc duy trì được nhiều quan hệ mật dịch có giá trị lớn.

Nguồn: Theo tính toán của HDRO; số liệu về tỉ trọng thương mại trong tổng sản lượng từ Ngân hàng Thế giới (2012a).

chính phủ cần phải thực tế và thử nghiệm nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau. Ví dụ điển hình là các chính quyền cởi mở, thân thiện tập trung vào mở rộng các phúc lợi xã hội cơ bản. Đầu tư vào năng lực con người thông qua y tế, giáo dục và dịch vụ công khác là một phần không thể thiếu của quá trình phát triển (hình 7 và 8). Tăng trưởng nhanh về công ăn việc làm là đặc trưng của quá trình phát triển giúp thúc đẩy sự phát triển con người.

Tác nhân thứ hai: Tác động của các thị trường toàn cầu

Thị trường toàn cầu đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng. Tất cả các nước công nghiệp mới đều theo đuổi chiến lược “nhập khẩu những tri thức mà thế giới biết và xuất khẩu những sản phẩm mà thế giới cần”. Nhưng quan trọng hơn cả là các điều kiện để khai thác những thị trường này. Nếu không đầu tư vào con người thì sẽ không được lợi gì nhiều từ thị trường quốc tế. Thành công đạt được là kết quả của việc hội nhập từng bước, có trình tự vào nền kinh tế thế giới, tùy theo tình hình thực tế và việc đầu tư vào con người, bộ máy cũng như cơ sở hạ tầng của mỗi quốc gia chứ không phải là mở cửa hội nhập một cách đột ngột. Các nền kinh tế nhỏ hơn thành công chủ yếu nhờ việc chú trọng vào các sản phẩm cho thị trường đặc thù, đây thường là kết quả của việc chính phủ hỗ trợ trong nhiều năm để phát huy các ngành nghề sẵn có, hoặc sáng tạo ra các ngành nghề mới.

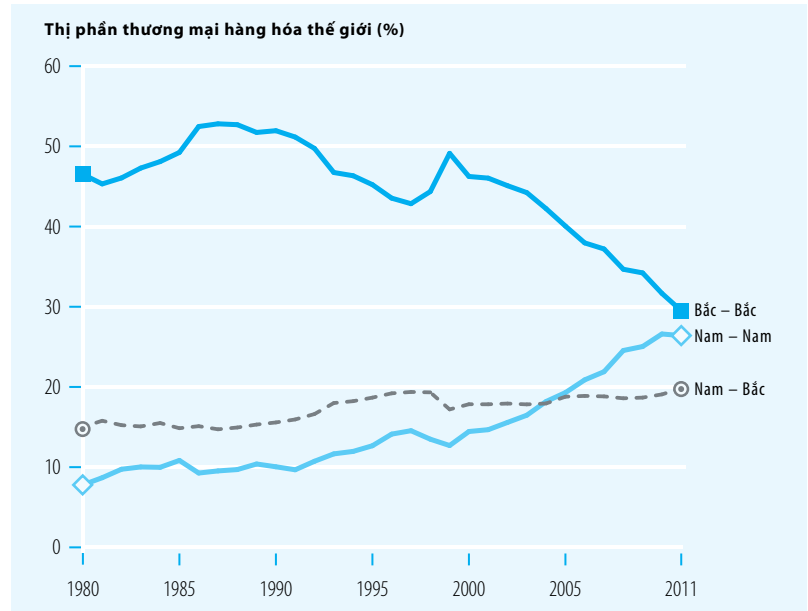
Tác nhân thứ ba: Đổi mới chính sách xã hội

Một số quốc gia có tốc độ phát triển nhanh và bền vững mà không cần đầu tư công ở mức quá cao – không chỉ về cơ sở hạ tầng mà ngay cả giáo dục và y tế. Mục tiêu là tạo ra các chu trình khép kín hiệu quả nhờ đó tăng trưởng và các chính sách xã hội củng cố hỗ trợ lẫn nhau. Tăng trưởng thường đem lại hiệu quả trong giảm nghèo cao hơn ở các nước có sự bất bình đẳng về thu nhập ở mức thấp, hơn là ở các nước có tình trạng bất bình đẳng về thu nhập ở mức cao. Thúc đẩy sự bình đẳng, đặc biệt là giữa các nhóm dân tộc, chủng tộc và tôn giáo khác nhau cũng giúp làm giảm mâu thuẫn xã hội.

Giáo dục, chăm sóc sức khỏe, bảo trợ xã hội, tăng cường năng lực pháp luật và tổ chức xã hội có thể giúp người dân nghèo tham gia vào quá

HÌNH 5

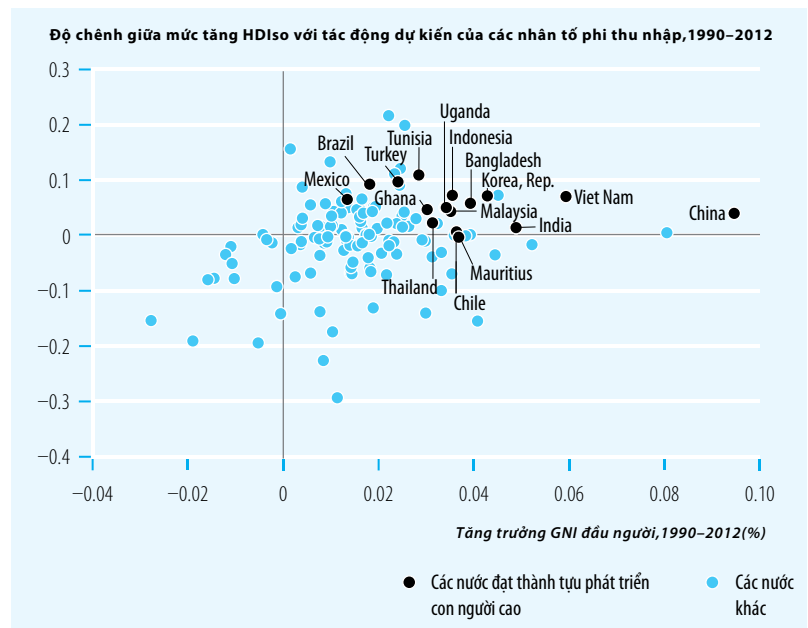
Ti trọng của quan hệ thương mại Nam-Nam trong hoạt động mậu dịch toàn cầu đã tăng hơn 3 lần trong giai đoạn 1980-2011 trong khi quan hệ thương mại Bắc-Bắc lại sụt giảm



Ghi chú: Phương Bắc năm 1980 được hiểu là Úc, Canada, Nhật Bản, New Zealand, Hoa Kỳ và Tây Âu.
 Nguồn: Theo tính toán của HDRO dựa trên UNSD (2012)

HÌNH 6

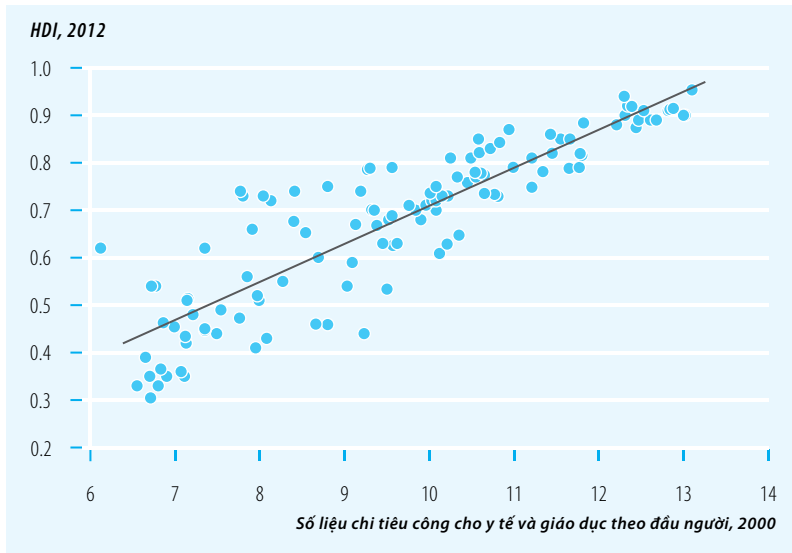
Một số quốc gia đã thành công trong việc cải thiện HDI cả về phương diện thu nhập và phi thu nhập



Ghi chú: Dựa trên mẫu gồm 96 quốc gia. Các nước được nêu tên là các đại diện điển hình trong khu vực về thành công trong phát triển con người, sẽ được bàn cụ thể hơn trong chương 3.
 Nguồn: Theo tính toán của HDRO

HÌNH 7:

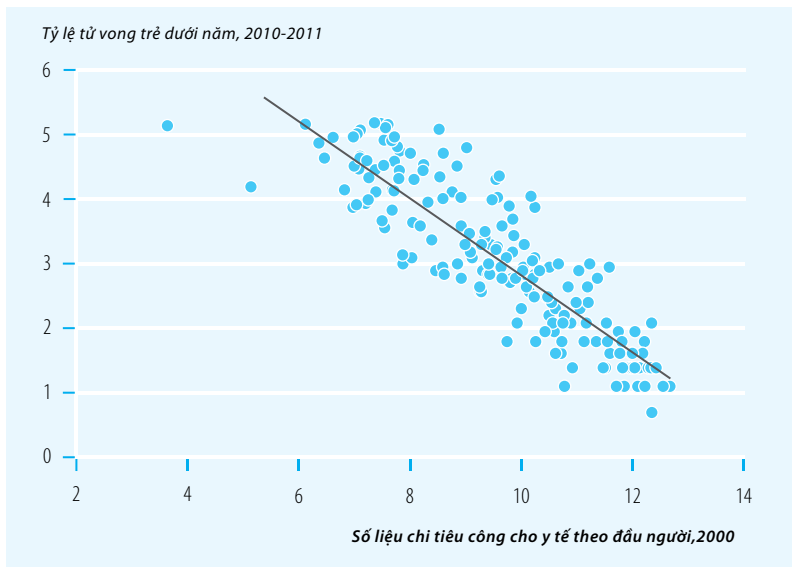
Giá trị HDI trong hiện tại và chỉ tiêu của chính phủ trong quá khứ có quan hệ tỉ lệ thuận. . .



Nguồn: Theo tính toán của HDRO và số liệu của Ngân hàng thế giới (2012a).

HÌNH 8:

... tỉ lệ sống sót của trẻ em trong hiện tại và chỉ tiêu cho y tế của chính phủ trong quá khứ cũng vậy



Nguồn: Theo tính toán của HDRO dựa trên số liệu của Ngân hàng thế giới (2012a)

trình phát triển. Cân bằng theo khu vực – đặc biệt là ở khu vực nông thôn – cùng với bản chất và tốc độ tăng trưởng của công ăn việc làm đóng vai trò quyết định trong việc phát triển sẽ giúp tăng thu nhập như thế nào. Nhưng ngay cả các công cụ chính sách cơ bản này cũng có thể không tác động được đến nhóm những người không được hưởng đầy đủ các quyền của mình. Các nhóm người nghèo bị đẩy ra bên lề xã hội phải đương đầu với nhiều khó khăn để được có tiếng nói trong các vấn đề mà họ quan tâm, trong khi chính phủ không phải lúc nào cũng đánh giá được liệu các dịch vụ công có thực sự đến được với tất cả mọi người hay không. Chính sách xã hội phải khuyến khích kích thích đa dạng – đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử có tính quyết định với ổn định chính trị và xã hội – và phải cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản giúp củng cố tăng trưởng kinh tế trong dài hạn thông qua việc xây dựng một lực lượng lao động khoẻ mạnh và có tri thức. Không phải tất cả là dịch vụ công tuy nhiên nhà nước phải đảm bảo rằng tất cả công dân đều có thể tiếp cận được các điều kiện cơ bản của phát triển con người (xem ô số 3).

Như vậy, lộ trình để đột phá trong phát triển nhằm khuyến khích các tiến bộ về con người là một quá trình nhiều mặt. Lộ trình này mở rộng nguồn của cải vật chất của con người qua việc phổ cập khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản, cải thiện hoạt động của chính phủ và các tổ chức xã hội để từ đó khuyến khích tăng trưởng và phân phối lợi ích công bằng, giảm thiểu tình trạng quan liêu và các hạn chế xã hội đối với hoạt động kinh tế xã hội, và buộc bộ máy lãnh đạo phải làm việc có trách nhiệm.

Duy trì động lực

Rất nhiều quốc gia ở Nam bán cầu đã đạt được nhiều thành tựu. Nhưng ngay cả với các nước đặc biệt thành công thì việc có tiếp tục thành công nữa hay không cũng không có gì là bảo đảm. Làm thế nào để các quốc gia ở Nam bán cầu giữ được tốc độ tăng trưởng trong phát triển con người, và làm thế nào để sự tăng trưởng này mở rộng sang các quốc gia khác? Báo cáo đề xuất bốn lĩnh vực quan trọng để đạt được điều này, bao gồm: tăng cường bình đẳng, đảm bảo sự tham gia của người dân, đối mặt với các thách thức về môi trường và quản lý các biến động về nhân khẩu. Báo cáo này chỉ ra cái giá đắt sẽ phải trả nếu chúng ta trì trệ

Tại sao Thành phố New York cần phải học hỏi từ chính sách giảm nghèo của Nam bán cầu?

Ở New York, chúng tôi đang cố gắng đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân bằng nhiều cách. Chúng tôi tiếp tục cải thiện chất lượng giáo dục ở các trường học. Cải thiện sức khỏe của người dân bằng các nỗ lực giảm hút thuốc và béo phì. Cải thiện cảnh quan của thành phố bằng cách thêm đường dành cho xe đạp và trồng mới hàng trăm ngàn cây xanh.

Chúng tôi cũng phần nào giảm thiểu đói nghèo bằng cách tìm ra các phương thức mới và hiệu quả hơn để xây dựng tính tự lập và giúp thế hệ trẻ chuẩn bị sẵn sàng cho tương lai tươi sáng ở phía trước. Chúng tôi đã thành lập Trung tâm về Cơ hội Kinh tế để mở đường cho những nỗ lực này. Nhiệm vụ của cơ quan này là tìm ra các chiến lược để phá bỏ vòng tròn luẩn quẩn của đói nghèo thông qua các sáng kiến đổi mới giáo dục, y tế, và việc làm.

Trong vòng sáu năm qua, Trung tâm đã khởi xướng hơn 50 chương trình thí điểm, hợp tác với các cơ quan của thành phố và hàng trăm tổ chức quần chúng. Trung tâm đã phát triển chiến lược đánh giá riêng cho từng chương trình thí điểm, giám sát quá trình thực hiện, so sánh kết quả và xác định chiến lược nào có hiệu quả nhất trong việc giảm thiểu đói nghèo và mở rộng cơ hội. Các chương trình thành công sẽ được hỗ trợ bởi các quỹ của nhà nước và tư nhân. Các chương trình không thành công sẽ bị ngừng hoạt động và được tái đầu tư vào các chiến lược mới. Những phát kiến của Trung tâm sẽ được chia sẻ với các cơ quan chính phủ, những nhà hoạch định chính sách và những nơi trên thế giới cũng đang tìm kiếm các phương thức mới để phá vỡ chu trình đói nghèo.

New York may mắn có được một số những bộ óc ưu việt nhất của thế giới đang làm việc tại các doanh nghiệp và trường đại học của chúng tôi, tuy nhiên chúng tôi nhận thấy còn nhiều điều phải học hỏi từ những chương trình được phát triển ở các quốc gia khác. Đó là lí do mà Trung tâm bắt đầu thực hiện một cuộc khảo sát trên phạm vi toàn cầu về các chiến lược tiềm năng để chống lại đói nghèo.

Năm 2007, Trung tâm khởi động chương trình Cơ hội New York: Giải thưởng gia đình, chương trình trợ cấp trực tiếp có điều kiện đầu tiên ở Mỹ. Dựa trên các chương trình tương tự được thực hiện ở hơn 20 quốc gia, Giải thưởng gia đình giảm đói nghèo bằng cách chu cấp tiền cho các hộ gia đình nhằm khuyến khích hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo nghề. Khi xây dựng chương trình Giải thưởng gia đình, chúng tôi đã học tập từ kinh nghiệm của Braxin, Mexico và nhiều nước khác. Sau khi kết thúc ba năm thử nghiệm, chúng tôi đã xác định được yếu tố nào là phù hợp với New York và yếu tố nào thì không, đây là thông tin rất hữu ích cho việc phát triển một loạt các chương trình mới trên toàn cầu.

Trước khi khởi động chương trình Cơ hội New York: Giải thưởng gia đình, tôi đã đi thăm Toluca, Mexico để xem tận mắt về chương trình trợ cấp tiền mặt có điều kiện nổi tiếng của Mexico là Oportunidades. Chúng tôi cũng tham gia vào chương trình trao đổi kinh nghiệm Bắc-Nam do Liên Hợp Quốc tổ chức. Chúng tôi đã làm việc với Tổ chức Rockefeller, Ngân hàng Thế giới, Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS), các cơ quan và chính phủ trên thế giới để chia sẻ kinh nghiệm về các chương trình trợ cấp trực tiếp có điều kiện ở Mỹ Latinh, cũng như ở Indonesia, Nam Phi và Thổ Nhĩ Kỳ.

Việc trao đổi kinh nghiệm với quốc tế của chúng tôi không chỉ dừng lại ở các chương trình hỗ trợ trực tiếp tiền mặt mà còn bao gồm các phương thức tiếp cận mới về giao thông đô thị, cải cách giáo dục và các chương trình khác.

Không ai độc quyền về ý tưởng, đó là lí do New York sẽ tiếp tục học hỏi kinh nghiệm từ các thành phố và quốc gia khác. Cùng với việc cải tiến và đánh giá các chương trình mới của thành phố mình, chúng tôi cam kết sẽ đến đáp lại và tạo nên các thay đổi lâu dài ở khắp nơi trên thế giới.

về chính sách, đồng thời ủng hộ việc hoạch định chính sách tham vọng hơn.

Mở rộng bình đẳng

Tăng cường bình đẳng, bao gồm bình đẳng giới và giữa các nhóm người, không chỉ có ý nghĩa tự thân, mà còn đóng vai trò thiết yếu để thúc đẩy phát triển con người. Một trong các công cụ có hiệu quả nhất chính là giáo dục, giúp con người tự tin hơn, dễ dàng tìm kiếm công ăn việc làm, tham gia vào các cuộc tranh luận công khai và đòi hỏi quyền lợi từ chính phủ về y tế, phúc lợi xã hội và các quyền lợi khác. Giáo dục cũng đem lại những lợi ích đáng kể trong y tế và giảm tỉ lệ tử vong (ô số 2). Nghiên cứu của Báo cáo này cho thấy trình độ học vấn của người mẹ đóng vai trò quan trọng đến tỉ lệ sống còn của con cái hơn của cải hoặc thu nhập gia đình. Đồng thời, báo cáo cũng chỉ ra các chính sách can thiệp sẽ có tác động mạnh mẽ hơn nếu trình độ học vấn ban đầu thấp hơn. Điều này có ý nghĩa sâu sắc

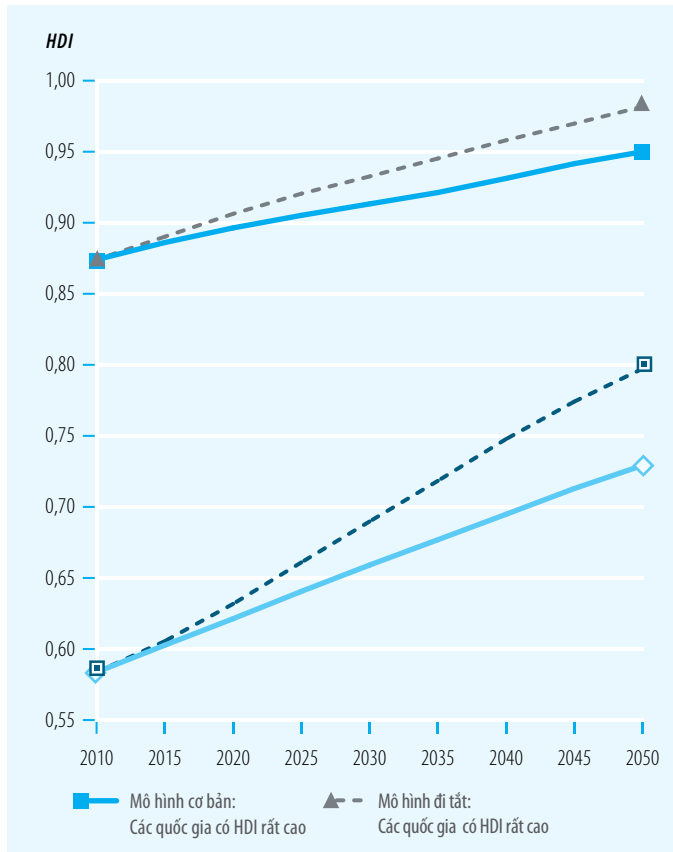
đối với công tác hoạch định chính sách, có khả năng làm dịch chuyển trọng tâm từ việc nỗ lực để tăng thu nhập cho hộ gia đình sang các biện pháp khác nhằm nâng cao trình độ học vấn của trẻ em gái.

Báo cáo giải thích rõ lí do vì sao phải tham vọng hơn trong hoạch định chính sách. Viễn cảnh tăng trưởng nhanh cho thấy các nước có HDI ở mức thấp có thể tiến tới mức độ phát triển con người bằng các nước có HDI cao và rất cao. Đến năm 2050, HDI có thể tăng 52% ở khu vực châu Phi cận Sahara (từ 0.402 lên 0.612) và 36% ở Nam Á (từ 0.527 lên 0.714). Các can thiệp chính sách trên cơ sở giả định này cũng sẽ có tác động tích cực lên cuộc chiến chống đói nghèo. Ngược lại, cái giá phải trả cho sự trì trệ cũng cao hơn, đặc biệt là ở các nước HDI thấp dễ bị tổn thương. Ví dụ, việc không thực hiện các chính sách phổ cập giáo dục đủ tham vọng sẽ có tác động bất lợi đối với nhiều trụ cột quan trọng trong phát triển con người tương lai.

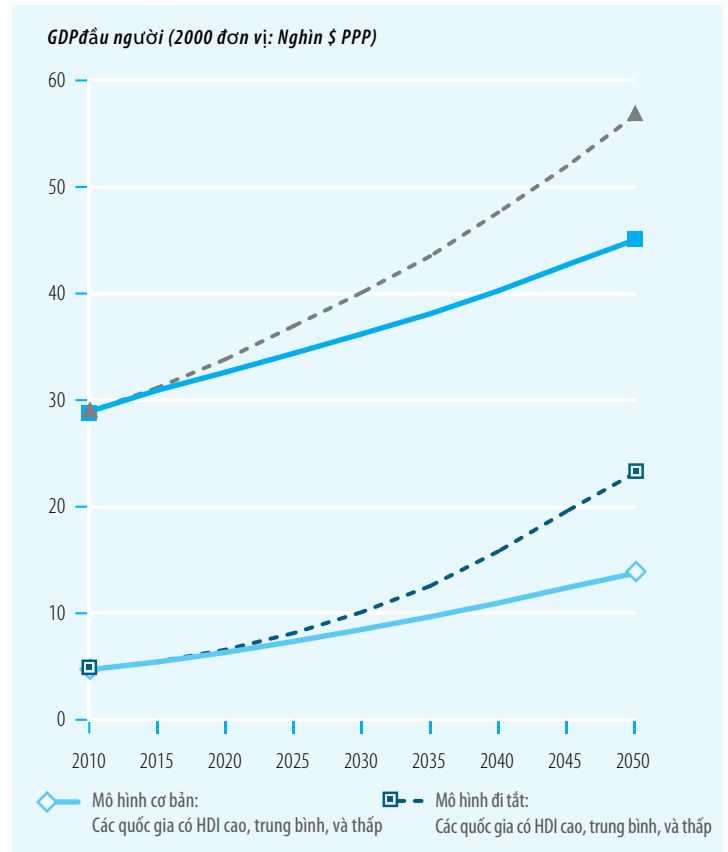
Báo cáo giải thích rõ lí do vì sao phải tham vọng hơn trong hoạch định chính sách

HÌNH 9:

Kết quả phát triển con người đến năm 2050 được cải thiện nhiều hơn ở mô hình đi tắt đón đầu



Mức tăng GDP bình quân đầu người đến năm 2050 đặc biệt cao ở mô hình đi tắt đón đầu



Xét về phương diện phát triển con người, cái giá phải trả cho sự trì hoãn hành động ở các nước có HDI thấp sẽ là cao hơn. Xét trên phương diện giảm sút của GDP bình quân đầu người, cái giá phải trả cho sự trì hoãn hành động là như nhau giữa các quốc gia bất luận HDI của quốc gia đó ở mức nào.

Nguồn: Theo tính toán của HDRO dựa trên số liệu của Trung tâm Pardee Center for International Futures (2013).

Tạo điều kiện cho người dân tham gia và có tiếng nói

Chừng nào người dân còn chưa được tham gia một cách có ý nghĩa vào các sự kiện và quá trình định hình nên cuộc sống của họ, phát triển con người tại quốc gia đó sẽ không thể được coi là bền vững hay đáng mong ước. Con người phải có quyền tác động lên quá trình hoạch định chính sách cũng như kết quả của nó, và thể hệ trẻ phải được quyền trông đợi một xã hội với nhiều cơ hội kinh tế hơn, có quyền tham gia và gánh vác trách nhiệm cao hơn trong hệ thống chính trị.

Ở cả Bắc và Nam bán cầu, người dân đang ngày càng không thỏa mãn và đòi hỏi có nhiều cơ hội và được tham gia nhiều hơn vào các vấn đề họ quan tâm cũng như vào việc hoạch định chính sách, đặc

biệt là về các phúc lợi xã hội cơ bản. Những người phản ứng mạnh mẽ nhất thường trước tình trạng thất nghiệp và thiếu cơ hội việc làm cho thanh niên có trí thức là giới trẻ. Lịch sử đã có rất nhiều các cuộc nổi dậy chống lại những chính phủ tri trệ. Thực trạng này có thể làm chệch hướng quá trình phát triển con người vì tình trạng bất ổn sẽ cản trở đầu tư và tăng trưởng cũng như các chính phủ chuyên quyền sẽ phải dành toàn bộ nguồn lực vào việc duy trì luật pháp và trật tự xã hội.

Khó có thể dự đoán khi nào một xã hội sẽ tiến đến những bước ngoặt nguy hiểm. Các cuộc biểu tình của quần chúng, đặc biệt là của giới trí thức, thường bùng nổ khi viễn cảnh nền kinh tế ảm đạm làm giảm chi phí cơ hội tham gia vào hoạt động chính trị. Khi đó “sự tham gia chính trị phải khó khăn mới giành được” như thế có thể dễ dàng được phối hợp thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng mới.

Tại sao viễn cảnh về dân số ở Hàn Quốc và Ấn Độ có khả năng sẽ thay đổi?

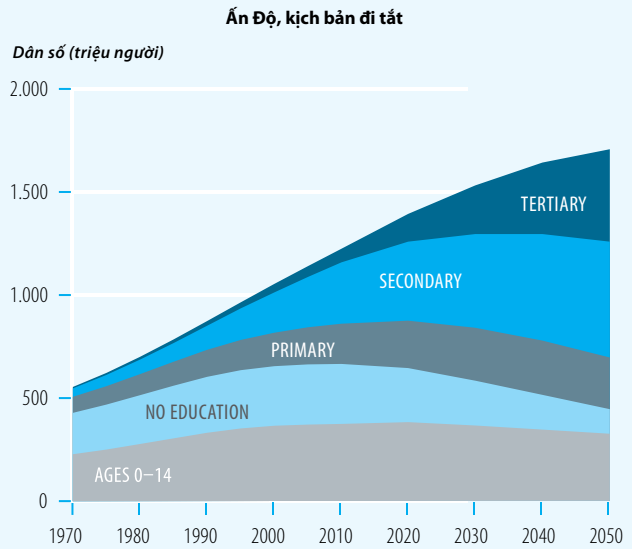
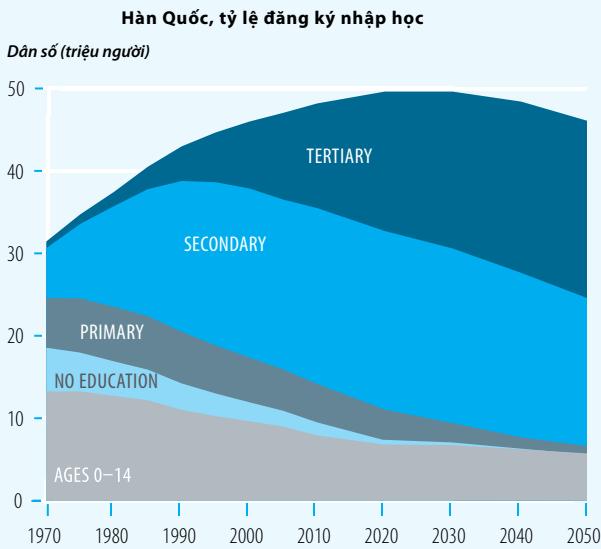
Hàn Quốc đã đạt được những thành tựu nhanh chóng về giáo dục. Vào những năm 1950, phần lớn trẻ em đến độ tuổi đi học không được giáo dục đúng mức. Ngày nay, nữ thanh niên Hàn Quốc nằm trong số những phụ nữ có tri thức nhất trên thế giới với hơn một nửa trong số đó đã tốt nghiệp cao đẳng. Hệ quả là người cao tuổi ở Hàn Quốc trong tương lai sẽ có tri thức hơn người cao tuổi ở thời điểm hiện tại (xem biểu đồ), và họ cũng có nhiều khả năng sẽ khỏe mạnh hơn do quan hệ tỉ lệ thuận giữa trình độ học vấn và sức khỏe.

Giả định là tỉ lệ đi học được giữ nguyên ở mức cao, tỉ trọng dân số dưới 14 tuổi sẽ giảm từ 16% năm 2010 xuống 13% năm 2050. Sẽ có sự dịch chuyển đáng chú ý trong cơ cấu trình độ học vấn của dân số, với tỉ trọng dân số có trình độ đại học dự đoán tăng từ 26% lên 47%.

Tình hình ở Ấn Độ lại hoàn toàn khác. Trước năm 2000, hơn một nửa số người trưởng thành không được giáo dục đúng mức. Mặc dù gần đây đã có

sự mở rộng về giáo dục cơ bản và tăng trưởng ấn tượng về số lượng người Ấn Độ có trình độ học vấn cao hơn (đây chính là nhân tố chính cho phát triển kinh tế của Ấn Độ trong thời gian gần đây) nhưng tỉ trọng dân số trưởng thành không được đi học sẽ chỉ giảm một cách chậm chạp. Một phần do trình độ học vấn thấp, đặc biệt là ở nữ thanh niên nên dân số Ấn Độ được dự đoán sẽ còn tăng mạnh và Ấn Độ sẽ vượt qua Trung Quốc trở thành quốc gia đông dân nhất trên thế giới. Ngay cả với dự đoán lạc quan nhất dựa trên giả định rằng mức tăng về trình độ học vấn của Ấn Độ là tương đương với Hàn Quốc thì cơ cấu về trình độ học vấn của Ấn Độ năm 2050 cũng vẫn không đồng đều với số lượng lớn người trưởng thành (thường là người cao tuổi) không được giáo dục. Tuy nhiên cũng theo viễn cảnh này thì tăng trưởng nhanh trong giáo dục bậc đại học sẽ hình thành nên một lực lượng lao động trẻ có tri thức tốt.

Tương quan dân số và trình độ học vấn trong tương lai ở Hàn Quốc và Ấn Độ



Nguồn: Theo tính toán của HDRO dựa trên số liệu của Ngân hàng thế giới (2012a)

Đối mặt với các thách thức về môi trường

Tuy các hiểm họa về môi trường như biến đổi khí hậu, chặt phá rừng, ô nhiễm không khí và nguồn nước và các thảm họa thiên nhiên có ảnh hưởng đến tất cả mọi người nhưng các quốc gia kém phát triển và người dân nghèo thường phải chịu tổn thất nhiều nhất. Biến đổi khí hậu làm trầm trọng hơn các vấn nạn môi trường đã có từ lâu, và những thiệt hại về hệ sinh thái đang cản trở cơ hội sống của mọi người, đặc biệt là người nghèo.

Mặc dù các quốc gia có HDI thấp đóng góp

ít nhất vào tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu nhưng nhiều khả năng họ lại phải gánh chịu sự sụt giảm mạnh nhất và những biến động khó lường nhất về lượng mưa hàng năm, từ đó tác động nặng nề lên hoạt động sản xuất nông nghiệp và đời sống con người. Những tổn thất nghiêm trọng này càng cho thấy tính cấp thiết của việc phải áp dụng các biện pháp ứng phó để tăng cường sức chịu đựng của con người trước tình trạng biến đổi khí hậu.

Cái giá phải trả cho sự trì trệ thụ động thường rất lớn. Càng trì hoãn hành động, càng phải trả giá đắt hơn. Để đảm bảo sự bền vững của nền

Một số hoạt động liên chính phủ sẽ hiệu quả hơn nếu có sự tham gia sâu rộng hơn của các nước Nam bán cầu

kinh tế và xã hội, cần có các thay đổi về cơ cấu và chính sách để cân bằng giữa phát triển con người và các mục tiêu về biến đổi khí hậu thông qua các chiến lược tăng trưởng ít phát thải, thích ứng cao với biến đổi khí hậu, cũng như các cơ chế tài chính hợp tác công-tư.

Quản lý biến động về nhân khẩu

Trong giai đoạn từ 1970 đến 2011, dân số thế giới tăng từ 3.6 tỉ lên 7 tỉ người. Do trình độ học vấn của dân số thế giới ngày càng cao, tỉ lệ tăng dân số sẽ giảm dần. Tiềm năng phát triển của thế giới chịu tác động của cả cơ cấu độ tuổi và quy mô dân số. Một vấn đề đang ngày càng trở nên cấp bách là tỉ lệ người bị phụ thuộc – nghĩa là, số lượng trẻ em từ 0-14 tuổi và người cao tuổi trên 65 tuổi trên tổng số dân trong độ tuổi lao động từ 15-64 tuổi.

Một số quốc gia nghèo hơn sẽ được hưởng lợi từ “lợi tức dân số” khi tỉ trọng của lực lượng lao động trong tổng dân số tăng lên. Tuy nhiên, lợi ích này sẽ chỉ đạt được khi họ có các chính sách thực hiện mạnh mẽ. Chẳng hạn, giáo dục cho trẻ em gái là một công cụ quan trọng giúp khai thác lợi tức dân số. Phụ nữ có tri thức thường có xu hướng sinh ít con hơn, con cái của họ khỏe mạnh và được giáo dục đầy đủ hơn; ở nhiều quốc gia, phụ nữ có tri thức cũng được hưởng lương cao hơn so với nhân công không có trình độ học vấn.

Các khu vực giàu có hơn ở Nam bán cầu, ngược lại, sẽ phải đối mặt với một vấn đề hoàn toàn khác: khi dân số của các nước này già đi, tỉ trọng của lực lượng lao động trong tổng dân số sẽ sụt giảm. Tốc độ già hóa của dân số có ý nghĩa quan trọng vì các nước đang phát triển sẽ phải vật lộn để đáp ứng nhu cầu của một xã hội già hơn trong khi bản thân các nước đó còn nghèo. Đa số các quốc gia đang phát triển hiện nay chỉ còn rất ít thời gian và cơ hội để hưởng lợi từ lợi tức dân số.

Mặc dù vậy, các xu hướng biến động nhân khẩu không phải là bất di bất dịch. Các xu hướng này có thể thay đổi, ít nhất là gián tiếp, thông qua các chính sách giáo dục. Báo cáo trình bày hai kịch bản cho giai đoạn 2010-2050: một là mô hình cơ bản, theo đó tỉ lệ trẻ em được đi học không đổi ở tất cả các bậc học, và hai là mô hình đi tắt đón đầu, theo đó các nước có trình độ học vấn với xuất phát điểm thấp sẽ đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng cho giáo dục. Mức độ giảm tỉ lệ người phụ thuộc ở các nước HDI thấp theo mô hình đi tắt đón đầu lớn hơn gấp đôi so với ở

mô hình cơ bản. Các chính sách giáo dục có thể giúp các nước có HDI trung bình và cao hạn chế mức tăng tỉ lệ người phụ thuộc, từ đó quá trình chuyển đổi nhân khẩu sang giai đoạn dân số già trở nên dễ dàng hơn.

Giải quyết các thách thức về nhân khẩu này đòi hỏi phải đẩy mạnh các thành tựu trong giáo dục đồng thời mở rộng hơn các cơ hội việc làm – bằng cách giảm thất nghiệp, tăng năng suất lao động và tăng cường sự tham gia vào lực lượng lao động, đặc biệt là của nhóm lao động nữ và lao động cao tuổi.

Quản lý và hợp tác trong kỉ nguyên mới

Trật tự mới Nam bán cầu được tạo ra và hệ quả là chủ nghĩa đa cực đã thách thức các thể chế và phương thức vận hành hiện tại trong các lĩnh vực truyền thông – tài chính, thương mại, đầu tư và y tế – đôi khi trực tiếp và đôi khi gián tiếp thông qua các hệ thống khu vực và nội vùng. Quản lý ở cấp độ khu vực và quốc tế cần có sự hỗ trợ của tập thể theo nhiều cách để giúp kết nối giữa trật tự mới và cấu trúc cũ. Cải cách các tổ chức quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp tác chặt chẽ hơn với các tổ chức địa phương – và trong một số trường hợp nên trao nhiều quyền hạn hơn cho các tổ chức địa phương. Trách nhiệm trong điều hành các tổ chức quốc tế phải được chia sẻ cho nhiều quốc gia cũng như cho nhiều bên liên quan hơn.

Rất nhiều thể chế và nguyên tắc trong quản lý quốc tế được xây dựng cho một trật tự thế giới hiện nay đã lỗi thời. Hậu quả là những tổ chức này không thể đại diện cho các nước ở Nam bán cầu. Để tồn tại, các tổ chức này cần phải tăng cường tính đại diện, minh bạch, và có trách nhiệm. Thực tế, một số hoạt động liên chính phủ sẽ hiệu quả hơn nếu có sự tham gia sâu rộng hơn của các nước Nam bán cầu với nguồn lực lớn về tài chính, kĩ thuật và con người của họ.

Xuyên suốt quá trình này, các chính phủ dĩ nhiên vẫn sẽ quan ngại về vấn đề bảo vệ chủ quyền. Nhưng nếu chỉ tuân theo những nguyên tắc đảm bảo chủ quyền một cách cực đoan, thì cuối cùng quốc gia đó cũng sẽ không được hưởng lợi từ hội nhập. Chiến lược tốt hơn là bảo vệ chủ quyền một cách có trách nhiệm, theo đó một quốc gia sẽ tham gia vào các quan hệ hợp tác quốc tế công bằng, đúng luật và có trách nhiệm, đóng góp vào nỗ lực chung để nâng cao sự thịnh vượng trên toàn cầu. Bảo vệ chủ quyền một cách

có trách nhiệm cũng đòi hỏi các chính phủ phải đảm bảo quyền con người và an ninh cho người dân. Dưới góc độ này, chủ quyền không chỉ là một quyền mà còn là một nghĩa vụ.

Thế giới không ngừng biến động có ảnh hưởng sâu sắc đến việc cung ứng hàng hóa công cộng thiết yếu. Các lĩnh vực đang thu hút sự quan tâm và hợp tác trên phạm vi toàn cầu là thương mại, di cư, và biến đổi khí hậu. Trong một số trường hợp, hàng hóa công cộng có thể được phân phối bởi các tổ chức ở cấp khu vực, giúp có thể tránh được sự phân chia manh mún làm chậm tiến trình phát triển của các diễn đàn lớn, đa phương. Tuy nhiên, tăng cường hợp tác khu vực cũng có nhiều bất cập – làm nặng nề thêm các cơ quan tổ chức vốn đã phức tạp, chồng chéo. Thách thức ở đây là phải đảm bảo sự đa dạng nhưng thống nhất, theo đó các cơ quan ở tất cả các cấp phải phối hợp nhịp nhàng với nhau.

Các cơ quan quản lý quốc tế phải có trách nhiệm giải trình không chỉ với các chính phủ thành viên mà còn với toàn bộ xã hội dân sự toàn cầu. Các tổ chức xã hội dân sự đã và đang thúc đẩy tính minh bạch trên phạm vi toàn cầu và tác động đến quá trình xây dựng quy tắc trong hoạt động cứu trợ, vay nợ, nhân quyền, y tế và biến đổi khí hậu. Mạng lưới các tổ chức xã hội dân sự ngày nay có thể tận dụng các phương tiện thông tin liên lạc mới và tân tiến. Tuy nhiên, bản thân các tổ chức này cũng đang phải đối mặt với câu hỏi về tính pháp lý, trách nhiệm giải trình và các biến thể không mong muốn của mình. Dù thế nào đi chăng nữa, trong tương lai, tính chính đáng của việc lãnh đạo, quản lý ở tầm quốc tế sẽ vẫn phụ thuộc vào năng lực của các tổ chức trong việc tương tác với mạng lưới quần chúng và cộng đồng.

Kết luận: Hợp tác trong kỉ nguyên mới

Rất nhiều quốc gia ở Nam bán cầu đã cho thấy cần phải làm gì để đảm bảo phát triển con người theo hướng vừa hiệu quả vừa bền vững, nhưng đó mới chỉ là một chặng của con đường. Báo cáo đưa ra năm kết luận chính sau:

Tăng cường kinh tế ở Nam bán cầu phải đi đôi với các cam kết mạnh mẽ về phát triển con người

Đầu tư cho phát triển con người không chỉ là vì vấn đề đạo đức mà còn bởi vì các thành tựu về giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội là chìa khóa cho

thành công trong một nền kinh tế thế giới năng động và cạnh tranh. Cụ thể, phải tập trung đầu tư cho người nghèo – kết nối họ với thị trường và nâng cao cơ hội sống cho họ. Đói nghèo là một sự bất công cần phải xóa bỏ bằng các hành động kiên quyết.

Đề hoạch định chính sách có hiệu quả cũng đòi hỏi phải tập trung nhiều hơn vào việc nâng cao năng lực xã hội chứ không chỉ là năng lực cá nhân. Môi trường do các thể chế xã hội tạo ra có thể hạn chế, nhưng cũng có thể mở rộng tiềm năng phát triển của từng cá nhân. Những chính sách thay đổi các quy tắc xã hội đang kìm hãm tiềm năng con người, như xiết chặt tình trạng kết hôn sớm hoặc hủ tục đòi của hồi môn, có thể mở ra thêm nhiều cơ hội cho cá nhân phát triển năng lực một cách trọn vẹn.

Các nước kém phát triển hơn có thể học hỏi và được hưởng lợi từ thành công của các nền kinh tế mới nổi ở Nam bán cầu

Sự tích lũy chưa từng có của các nguồn lực tài chính và tài sản quốc gia ở Nam cũng như Bắc bán cầu mở ra cơ hội cho phát triển nhanh trên diện rộng. Chỉ cần một phần nhỏ của các quỹ này được đầu tư cho phát triển con người và xóa bỏ đói nghèo cũng đã đủ để tạo ra tầm ảnh hưởng lớn. Đồng thời, quan hệ thương mại và đầu tư Nam - Nam có thể tạo ra tác dụng đòn bẩy cho thị trường nước ngoài giúp mở ra nhiều cơ hội phát triển, như cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị của khu vực và toàn cầu.

Đặc biệt, các hoạt động thương mại và đầu tư Nam - Nam có thể tạo nền tảng cho việc dịch chuyển năng lực sản xuất sang các nước và khu vực kém phát triển hơn. Trong thời gian gần đây, các công ty liên doanh và các doanh nghiệp sản xuất mới thành lập của Trung Quốc và Ấn Độ ở Nam Phi đã đóng vai trò mở màn cho một xu thế lớn hơn. Các mạng lưới sản xuất quốc tế tạo ra nhiều cơ hội để đẩy mạnh quá trình phát triển bằng cách cho phép các quốc gia chuyển thẳng lên các trình độ sản xuất phức tạp hơn.

Các thể chế và quan hệ hợp tác mới có thể tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập khu vực và quan hệ Nam - Nam

Các thể chế và quan hệ hợp tác mới giúp các quốc gia chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và kĩ thuật với nhau. Kéo theo đó là sự ra đời của các

thể chế mới mạnh hơn thúc đẩy thương mại, đầu tư và chia sẻ kinh nghiệm nhanh chóng giữa các nước Nam bán cầu. Một trong số đó có thể là thành lập Hội đồng các nước Nam bán cầu nhằm đem đến một cái nhìn mới mẻ về việc các nước Nam bán cầu có thể đoàn kết chặt chẽ như thế nào.

Tăng cường mức độ đại diện của Nam bán cầu và xã hội dân sự có thể thúc đẩy tăng trưởng trước các thách thức toàn cầu

Sự trỗi dậy của các nước Nam bán cầu giúp cho sân chơi toàn cầu trở nên đa dạng hơn. Điều này cho thấy cơ hội để thành lập các cơ quan quản lý quốc tế có khả năng đại diện công bằng hơn cho tất cả các bên tham gia, từ đó tận dụng hiệu quả sự đa dạng này để giải quyết các vấn nạn toàn cầu.

Cần xây dựng các nguyên tắc chỉ đạo mới cho các tổ chức quốc tế trên cơ sở xem xét các kinh nghiệm của Nam bán cầu. Sự xuất hiện của nhóm G20 là một bước quan trọng trong hướng đi này, tuy nhiên các quốc gia ở phía Nam vẫn cần được đại diện bình đẳng hơn tại các thể chế Bretton Woods, Liên Hợp Quốc và các cơ quan quốc tế khác.

Xã hội dân sự và các phong trào xã hội hiện nay ở phạm vi quốc gia và xuyên quốc gia đang sử dụng các phương tiện truyền thông để kêu gọi những thể chế quản lý xã hội công bằng và bình đẳng. Sự lan rộng của các phong trào xã hội cộng với việc người dân có thêm nhiều cơ hội để gửi đi các thông điệp và yêu cầu của mình đã buộc các tổ chức công quyền phải áp dụng các nguyên tắc dân chủ và hòa nhập hơn. Nói rộng ra, một thế giới công bằng và bình đẳng hơn đòi hỏi phải có chỗ cho các ý kiến đa chiều và có một hệ thống ngôn luận công khai.

Sự trỗi dậy của Nam bán cầu cho thấy những cơ hội mới để tăng nguồn cung cấp hàng hóa công cộng

Một thế giới bền vững đòi hỏi phải có nguồn cung cấp các hàng hóa công cộng lớn hơn. Hiện tại, các vấn đề toàn cầu đang tăng cả về số lượng và tính cấp bách, từ giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu và sự bất ổn của kinh tế, tài chính thế giới đến chống khủng bố và phổ biến vũ khí hạt nhân. Tất cả đều cần được giải quyết trên phạm

vi toàn cầu. Mặc dù vậy, ở nhiều nơi, hợp tác quốc tế vẫn còn diễn ra chậm chạp và đôi khi còn có sự do dự. Sự trỗi dậy của Nam bán cầu cho thấy những cơ hội mới để phân phối hàng hóa quốc tế hiệu quả hơn và giải mã được nhiều vấn đề bế tắc của thế giới hiện nay.

Đối với hầu hết các hàng hóa công cộng, “Tinh công cộng” hay “Tinh tư nhân” không phải là một đặc tính nội tại của hàng hóa đó mà là một cấu trúc xã hội được gán cho nó. Theo đó, thực tế đây là một sự lựa chọn chính sách. Chính quyền trung ương có thể can thiệp khi hàng hóa này có sự khan hiếm ở tầm quốc gia. Nhưng khi các thách thức toàn cầu nổi lên, thì cần có sự hợp tác quốc tế. Sự hợp tác này chỉ có thể có được khi các chính phủ hành động trên cơ sở tự nguyện. Đứng trước rất nhiều thách thức nảy sinh như hiện nay, việc xác định đâu là trách nhiệm công cộng và đâu là tư nhân đòi hỏi phải có tầm nhìn lãnh đạo mạnh mẽ và tận tâm ngay trong từng cá nhân và tổ chức.

* * *

Báo cáo phát triển con người năm 2013 phản ánh bối cảnh thế giới hiện nay và chỉ ra con đường cho những nhà hoạch định chính sách cũng như người dân để định hướng phát triển mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa các nước trên thế giới và đối mặt với các thách thức toàn cầu đang ngày càng gia tăng. Báo cáo mô tả các nhân tố quyền, tiếng nói, và của cải trên thế giới đang thay đổi như thế nào – và chỉ ra các chính sách, thể chế mới cần có để xử lý những vấn đề thực tế đặt ra của thế kỉ 21, thúc đẩy phát triển con người một cách bình đẳng hơn, bền vững hơn, và hòa nhập xã hội sâu rộng hơn. Tiến bộ trong phát triển con người đòi hỏi phải có các hành động cũng như thể chế ở cả tầm quốc gia và quốc tế. Ở tầm quốc tế, cải cách và đổi mới thể chế là những điều kiện cần thiết để bảo vệ và cung cấp các hàng hóa công cộng mang tính quốc tế. Ở tầm quốc gia, cam kết của chính phủ về công bằng xã hội là rất quan trọng, cũng như thực tế rằng các chính sách rập khuôn máy móc là không hiệu quả bởi các quốc gia có những điều kiện xã hội, văn hóa và thể chế đa dạng khác nhau. Ngược lại, các nguyên tắc bao trùm như gắn kết xã hội, cam kết của chính phủ về giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, và mở cửa hội nhập thương mại là những phương tiện tiên phong đưa đến các mục tiêu phát triển con người bền vững và bình đẳng.

Một Sự trỗi dậy của Nam bán cầu cho thấy những cơ hội mới để phân phối hàng hóa quốc tế hiệu quả hơn và giải mã được nhiều vấn đề bế tắc của thế giới hiện nay

Bảng xếp hạng HDI năm 2012 và những thay đổi trong thứ hạng HDI từ năm 2011 đến 2012

Afghanistan	175					Georgia	72	3	↑	Norway	1				
Albania	70	-1	↓			Germany	5			Oman	84	-1	↓		
Algeria	93	-1	↓			Ghana	135			Pakistan	146				
Andorra	33	-1	↓			Greece	29			Palau	52	2	↑		
Angola	148					Grenada	63	-1	↓	Palestine, State of	110	1	↑		
Antigua and Barbuda	67	-1	↓			Guatemala	133			Panama	59	1	↑		
Argentina	45	-1	↓			Guinea	178	-1	↓	Papua New Guinea	156				
Armenia	87	-1	↓			Guinea-Bissau	176			Paraguay	111	-2	↓		
Australia	2					Guyana	118	1	↑	Peru	77	-1	↓		
Austria	18					Haiti	161	1	↑	Philippines	114				
Azerbaijan	82	-1	↓			Honduras	120			Poland	39				
Bahamas	49					Hong Kong, China (SAR)	13	1	↑	Portugal	43	-3	↓		
Bahrain	48					Hungary	37			Qatar	36				
Bangladesh	146	1	↑			Iceland	13			Romania	56	-1	↓		
Barbados	38					India	136			Russian Federation	55				
Belarus	50	1	↑			Indonesia	121	3	↑	Rwanda	167				
Belgium	17					Iran, Islamic Republic of	76	-2	↓	Saint Kitts and Nevis	72	-1	↓		
Belize	96					Iraq	131	1	↑	Saint Lucia	88				
Benin	166					Ireland	7			Saint Vincent and the Grenadines	83	-2	↓		
Bhutan	140	1	↑			Israel	16			Samoa	96				
Bolivia, Plurinational State of	108					Italy	25			Sao Tome and Principe	144				
Bosnia and Herzegovina	81	-1	↓			Jamaica	85	-2	↓	Saudi Arabia	57				
Botswana	119	-1	↓			Japan	10			Senegal	154	-2	↓		
Brazil	85					Jordan	100			Serbia	64				
Brunei Darussalam	30					Kazakhstan	69	-1	↓	Seychelles	46				
Bulgaria	57					Kenya	145			Sierra Leone	177	2	↑		
Burkina Faso	183					Kiribati	121			Singapore	18				
Burundi	178	-1	↓			Korea, Republic of	12			Slovakia	35				
Cambodia	138					Kuwait	54	-1	↓	Slovenia	21				
Cameroon	150					Kyrgyzstan	125			Solomon Islands	143				
Canada	11	-1	↓			Lao People's Democratic Republic	138			South Africa	121	1	↑		
Cape Verde	132	-1	↓			Latvia	44	1	↑	Spain	23				
Central African Republic	180	-1	↓			Lebanon	72			Sri Lanka	92				
Chad	184					Lesotho	158	1	↑	Sudan	171	-1	↓		
Chile	40					Liberia	174			Suriname	105				
China	101					Libya	64	23	↑	Swaziland	141	-1	↓		
Colombia	91					Liechtenstein	24			Sweden	7				
Comoros	169	-1	↓			Lithuania	41	2	↑	Switzerland	9				
Congo	142					Luxembourg	26			Syrian Arab Republic	116				
Congo, Democratic Republic of the	186					Madagascar	151			Tajikistan	125	1	↑		
Costa Rica	62					Malawi	170	1	↑	Tanzania, United Republic of	152	1	↑		
Côte d'Ivoire	168	1	↑			Malaysia	64	1	↑	Thailand	103	1	↑		
Croatia	47	-1	↓			Maldives	104	-1	↓	The former Yugoslav Republic of Macedonia	78	-2	↓		
Cuba	59					Mali	182	-1	↓	Timor-Leste	134				
Cyprus	31					Malta	32	1	↑	Togo	159	1	↑		
Czech Republic	28					Mauritania	155			Tonga	95				
Denmark	15					Mauritius	80	-1	↓	Trinidad and Tobago	67	-1	↓		
Djibouti	164					Mexico	61			Tunisia	94				
Dominica	72					Micronesia, Federated States of	117			Turkey	90				
Dominican Republic	96	2	↑			Moldova, Republic of	113			Turkmenistan	102				
Ecuador	89					Mongolia	108	2	↑	Uganda	161				
Egypt	112					Montenegro	52	-2	↓	Ukraine	78				
El Salvador	107	-1	↓			Morocco	130			United Arab Emirates	41	-1	↓		
Equatorial Guinea	136					Mozambique	185			United Kingdom	26				
Eritrea	181	1	↑			Myanmar	149			United States	3	-1	↓		
Estonia	33	1	↑			Namibia	128			Uruguay	51				
Ethiopia	173	-1	↓			Nepal	157			Uzbekistan	114	1	↑		
Fiji	96	2	↑			Netherlands	4			Vanuatu	124	-2	↓		
Finland	21					New Zealand	6			Venezuela, Bolivarian Republic of	71	-1	↓		
France	20					Nicaragua	129			Viet Nam	127				
Gabon	106					Niger	186	1	↑	Yemen	160	-2	↓		
Gambia	165					Nigeria	153	1	↑	Zambia	163				
										Zimbabwe	172	1	↑		

Chỉ số phát triển con người

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người			HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số bất bình đẳng giới		Chỉ số nghèo đa chiều	
	Giá trị	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Năm
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI RẤT CAO									
1	Na uy	0,955	0,894	1	0,065	5	
2	Australia	0,938	0,864	2	0,115	17	
3	Hoa Kỳ	0,937	0,821	16	0,256	42	
4	Hà Lan	0,921	0,857	4	0,045	1	
5	Đức	0,920	0,856	5	0,075	6	
6	New Zealand	0,919	0,164	31	
7	Ireland	0,916	0,850	6	0,121	19	
7	Thụy Điển	0,916	0,859	3	0,055	2	
9	Thụy Sĩ	0,913	0,849	7	0,057	3	
10	Nhật Bản	0,912	0,131	21	
11	Canada	0,911	0,832	13	0,119	18	
12	Cộng hòa Hàn Quốc	0,909	0,758	28	0,153	27	
13	Hồng Kông, Trung Quốc (SaR)	0,906	
13	Iceland	0,906	0,848	8	0,089	10	
15	Đan Mạch	0,901	0,845	9	0,057	3	
16	Israel	0,900	0,790	21	0,144	25	
17	Belgium	0,897	0,825	15	0,098	12	
18	Austria	0,895	0,837	12	0,102	14	
18	Singapore	0,895	0,101	13	
20	Pháp	0,893	0,812	18	0,083	9	
21	Phần Lan	0,892	0,839	11	0,075	6	
21	Slovenia	0,892	0,840	10	0,080	8	0,000	2003	
23	Tây Ban Nha	0,885	0,796	20	0,103	15	
24	Liechtenstein	0,883	
25	Ý	0,881	0,776	24	0,094	11	
26	Luxembourg	0,875	0,813	17	0,149	26	
26	Vương quốc Anh	0,875	0,802	19	0,205	34	
28	Cộng hòa Séc	0,873	0,826	14	0,122	20	0,010	2002/2003	
29	Hy Lạp	0,860	0,760	27	0,136	23	
30	Brunei Darussalam	0,855	
31	Cộng hòa Síp	0,848	0,751	29	0,134	22	
32	Malta	0,847	0,778	23	0,236	39	
33	Andorra	0,846	
33	Estonia	0,846	0,770	25	0,158	29	0,026	2003	
35	Slovakia	0,840	0,788	22	0,171	32	0,000	2003	
36	Qatar	0,834	0,546	117	
37	Hungary	0,831	0,769	26	0,256	42	0,016	2003	
38	Barbados	0,825	0,343	61	
39	Ba Lan	0,821	0,740	30	0,140	24	
40	Chile	0,819	0,664	41	0,360	66	
41	Lithuania	0,818	0,727	33	0,157	28	
41	Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất	0,818	0,241	40	0,002	2003	
43	Bồ Đào Nha	0,816	0,729	32	0,114	16	
44	Latvia	0,814	0,726	35	0,216	36	0,006	2003	
45	Argentina	0,811	0,653	43	0,380	71	0,011	2005	
46	Seychelles	0,806	
47	Croatia	0,805	0,683	39	0,179	33	0,016	2003	
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI CAO									
48	Bahrain	0,796	0,258	45	
49	Bahamas	0,794	0,316	53	
50	Belarus	0,793	0,727	33	0,000	2005	
51	Uruguay	0,792	0,662	42	0,367	69	0,006	2002/2003	
52	Montenegro	0,791	0,733	31	0,006	2005/2006	
52	Palau	0,791	
54	Kuwait	0,790	0,274	47	
55	Russian Federation	0,788	0,312	51	0,005	2003	
56	Romania	0,786	0,687	38	0,327	55	
57	Bulgaria	0,782	0,704	36	0,219	38	
57	Saudi Arabia	0,782	0,682	145	
59	Cuba	0,780	0,356	63	
59	Panama	0,780	0,588	57	0,503	108	
61	Mexico	0,775	0,593	55	0,382	72	0,015	2006	

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người	HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số bất bình đẳng giới		Chỉ số nghèo đa chiều	
	Giá trị	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Năm
62	Costa Rica	0,773	0,606	54	0,346	62	..
63	Grenada	0,770
64	Libya	0,769	0,216	36	..
64	Malaysia	0,769	0,256	42	..
64	Serbia	0,769	0,696	37	0,003 2005/2006
67	Antigua and Barbuda	0,760
67	Trinidad and Tobago	0,760	0,644	49	0,311	50	0,020 2006
69	Kazakhstan	0,754	0,652	44	0,312	51	0,002 2006
70	Albania	0,749	0,645	48	0,251	41	0,005 2008/2009
71	Cộng hòa Bolivar Venezuela	0,748	0,549	66	0,466	93	..
72	Dominica	0,745
72	Georgia	0,745	0,631	51	0,438	81	0,003 2005
72	Lebanon	0,745	0,575	59	0,433	78	..
72	Saint Kitts and Nevis	0,745
76	Cộng hòa Hồi giáo Iran	0,742	0,496	107	..
77	Peru	0,741	0,561	62	0,387	73	0,066 2008
78	Cựu Cộng hòa Nam Tư Makedonija	0,740	0,631	51	0,162	30	0,008 2005
78	Ukraine	0,740	0,672	40	0,338	57	0,008 2007
80	Mauritius	0,737	0,639	50	0,377	70	..
81	Bosnia and Herzegovina	0,735	0,650	45	0,003 2006
82	Azerbaijan	0,734	0,650	45	0,323	54	0,021 2006
83	Saint Vincent and the Grenadines	0,733
84	Oman	0,731	0,340	59	..
85	Brazil	0,730	0,531	70	0,447	85	0,011 2006
85	Jamaica	0,730	0,591	56	0,458	87	..
87	Armenia	0,729	0,649	47	0,340	59	0,001 2010
88	Saint Lucia	0,725
89	Ecuador	0,724	0,537	69	0,442	83	0,009 2003
90	Thổ Nhĩ Kỳ	0,722	0,560	63	0,366	68	0,028 2003
91	Colombia	0,719	0,519	74	0,459	88	0,022 2010
92	Sri Lanka	0,715	0,607	53	0,402	75	0,021 2003
93	Algeria	0,713	0,391	74	..
94	Tunisia	0,712	0,261	46	0,010 2003
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TRUNG BÌNH							
95	Tonga	0,710	0,462	90	..
96	Belize	0,702	0,435	79	0,024 2006
96	Dominican Republic	0,702	0,510	80	0,508	109	0,018 2007
96	Fiji	0,702
96	Samoa	0,702
100	Jordan	0,700	0,568	60	0,482	99	0,008 2009
101	Trung Quốc	0,699	0,543	67	0,213	35	0,056 2002
102	Turkmenistan	0,698
103	Thái Lan	0,690	0,543	67	0,360	66	0,006 2005/2006
104	Maldives	0,688	0,515	76	0,357	64	0,018 2009
105	Suriname	0,684	0,526	72	0,467	94	0,039 2006
106	Gabon	0,683	0,550	65	0,492	105	..
107	El Salvador	0,680	0,499	83	0,441	82	..
108	Mông cổ	0,675	0,444	85	0,474	97	0,089 2008
108	Mongolia	0,675	0,568	60	0,328	56	0,065 2005
110	Nhà nước Palestine	0,670	0,005 2006/2007
111	Paraguay	0,669	0,472	95	0,064 2002/2003
112	Ai Cập	0,662	0,503	82	0,590	126	0,024 2008
113	Cộng hòa Moldova	0,660	0,584	58	0,303	49	0,007 2005
114	Philippines	0,654	0,524	73	0,418	77	0,064 2008
114	Uzbekistan	0,654	0,551	64	0,008 2006
116	Cộng hòa Ả rập Syria	0,648	0,515	76	0,551	118	0,021 2006
117	Liên bang Micronesia	0,645
118	Guyana	0,636	0,514	78	0,490	104	0,030 2009
119	Botswana	0,634	0,485	102	..
120	Honduras	0,632	0,458	84	0,483	100	0,159 2005/2006
121	Indonesia	0,629	0,514	78	0,494	106	0,095 2007
121	Kiribati	0,629
121	Nam Phi	0,629	0,462	90	0,057 2008

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người	HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số bất bình đẳng giới		Chỉ số nghèo đa chiều	
	Giá trị	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Năm
124	Vanuatu	0,626	0,129	2007
125	Kyrgyzstan	0,622	0,516	75	0,357	64	2005/2006
125	Tajikistan	0,622	0,507	81	0,338	57	2005
127	Việt Nam	0,617	0,531	70	0,299	48	2010/2011
128	Namibia	0,608	0,344	101	0,455	86	2006/2007
129	Nicaragua	0,599	0,434	86	0,461	89	2006/2007
130	Ma rốc	0,591	0,415	88	0,444	84	2007
131	Iraq	0,590	0,557	120	2006
132	Cape Verde	0,586
133	Guatemala	0,581	0,389	92	0,539	114	2003
134	Đông Timor	0,576	0,386	93	2009/2010
135	Ghana	0,558	0,379	94	0,565	121	2008
136	Guinea xích đạo	0,554
136	Ấn Độ	0,554	0,392	91	0,610	132	2005/2006
138	Cambodia	0,543	0,402	90	0,473	96	2010
138	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	0,543	0,409	89	0,483	100	2006
140	Bhutan	0,538	0,430	87	0,464	92	2010
141	Swaziland	0,536	0,346	99	0,525	112	2010
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI THẤP							
142	Congo	0,534	0,368	96	0,610	132	2009
143	Quốc đảo Solomon	0,530
144	Sao Tome and Principe	0,525	0,358	97	..	0,154	2008/2009
145	Kenya	0,519	0,344	101	0,608	130	2008/2009
146	Bangladesh	0,515	0,374	95	0,518	111	2007
146	Pakistan	0,515	0,356	98	0,567	123	2006/2007
148	Angola	0,508	0,285	114
149	Myanmar	0,498	0,437	80	..
150	Cameroon	0,495	0,330	104	0,628	137	2004
151	Madagascar	0,483	0,335	103	..	0,357	2008/2009
152	Cộng hòa Thống nhất Tanzania	0,476	0,346	99	0,556	119	2010
153	Nigeria	0,471	0,276	119	..	0,310	2008
154	Senegal	0,470	0,315	105	0,540	115	2010/2011
155	Mauritania	0,467	0,306	107	0,643	139	2007
156	Papua New Guinea	0,466	0,617	134	..
157	Nepal	0,463	0,304	109	0,485	102	2011
158	Lesotho	0,461	0,296	111	0,534	113	2009
159	Togo	0,459	0,305	108	0,566	122	2006
160	Yemen	0,458	0,310	106	0,747	148	2006
161	Haiti	0,456	0,273	120	0,592	127	2005/2006
161	Uganda	0,456	0,303	110	0,517	110	2011
163	Zambia	0,448	0,283	117	0,623	136	2007
164	Djibouti	0,445	0,285	114	..	0,139	2006
165	Gambia	0,439	0,594	128	2005/2006
166	Benin	0,436	0,280	118	0,618	135	2006
167	Rwanda	0,434	0,287	112	0,414	76	2010
168	Côte d'Ivoire	0,432	0,265	122	0,632	138	2005
169	Comoros	0,429
170	Malawi	0,418	0,287	112	0,573	124	2010
171	Sudan	0,414	0,604	129	..
172	Zimbabwe	0,397	0,284	116	0,544	116	2010/2011
173	Ethiopia	0,396	0,269	121	..	0,564	2011
174	Liberia	0,388	0,251	123	0,658	143	2007
175	Afghanistan	0,374	0,712	147	..
176	Guinea-Bissau	0,364	0,213	127
177	Sierra Leone	0,359	0,210	128	0,643	139	2008
178	Burundi	0,355	0,476	98	2005
178	Guinea	0,355	0,217	126	..	0,506	2005
180	Cộng hòa Trung Phi	0,352	0,209	129	0,654	142	..
181	Eritrea	0,351
182	Mali	0,344	0,649	141	2006
183	Burkina Faso	0,343	0,226	124	0,609	131	2010
184	Chad	0,340	0,203	130	..	0,344	2003
185	Mozambique	0,327	0,220	125	0,582	125	2009
186	Congo, Democratic Republic of the	0,304	0,183	132	0,681	144	2010
186	Niger	0,304	0,200	131	0,707	146	2006

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người	HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số bất bình đẳng giới		Chỉ số nghèo đa chiều	
	Giá trị	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Năm
CÁC QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ KHÁC							
Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều tiên	
Quần đảo marshall	
Monaco	
Nauru	
San Marino	
Somalia	0,514	2006
Nam Sudan	
Tuvalu	
Các nhóm chỉ số phát triển con người							
Phát triển con người rất cao	0,905	0,807	—	0,193	—	—	
Phát triển con người cao	0,758	0,602	—	0,376	—	—	
Phát triển con người trung bình	0,640	0,485	—	0,457	—	—	
Phát triển con người thấp	0,466	0,310	—	0,578	—	—	
Các khu vực							
Các quốc gia Ả rập	0,652	0,486	—	0,555	—	—	
Đông Á và Thái Bình Dương	0,683	0,537	—	0,333	—	—	
Châu Âu và Trung Á	0,771	0,672	—	0,280	—	—	
Mỹ latin và Caribê	0,741	0,550	—	0,419	—	—	
Nam Á	0,558	0,395	—	0,568	—	—	
Châu Phi Cận Sahara	0,475	0,309	—	0,577	—	—	
Các quốc gia kém phát triển nhất	0,449	0,303	—	0,566	—	—	
Các đảo quốc nhỏ đang phát triển	0,648	0,459	—	0,481	—	—	
Toàn thế giới	0,694	0,532	—	0,463	—	—	

GHI CHÚ

Các chỉ số sử dụng số liệu từ những năm khác nhau – xem Phụ lục số liệu thông kê trong toàn văn Báo cáo (tại <http://hdr.undp.org>) để có thêm thông tin chi tiết, các ghi chú đầy đủ, và nguồn số liệu. Việc phân nhóm các quốc gia dựa trên chia chỉ số HDI vào 4 khoảng bằng nhau: Các quốc gia có chỉ số rơi vào khoảng 76 – 100% thuộc nhóm phát triển con người rất cao, từ 51 – 75% thuộc nhóm phát triển cao, 26 – 50% thuộc nhóm trung bình, và 1 – 25% thuộc nhóm thấp. Các báo cáo trước sử dụng con số tuyệt đối thay vì các ngưỡng tương đối.

Báo cáo phát triển con người toàn cầu: Báo cáo phát triển con người toàn cầu 2013 là bản mới nhất trong loạt Báo cáo phát triển con người toàn cầu của UNDP bắt đầu phát hành từ năm 1990 với tư cách là những phân tích độc lập dựa trên khảo chứng về các vấn đề, xu hướng, và chính sách phát triển chủ đạo.

Độc giả có thể truy cập các thông tin liên quan đến Báo cáo phát triển con người 2013 tại địa chỉ hdr.undp.org, bao gồm toàn văn Báo cáo và các bản tóm tắt được dịch ra trên 20 thứ tiếng; các Nghiên cứu phát triển con người được thực hiện phục vụ việc soạn thảo Báo cáo 2013; các bản đồ tương tác và cơ sở dữ liệu chỉ số phát triển con người của các quốc gia; chú thích các nguồn số liệu và phương pháp thống kê sử dụng trong tính toán Chỉ số phát triển con người; hồ sơ các quốc gia; và các tài liệu thông tin khác. Báo cáo phát triển con người (HDR) những năm trước, bao gồm cả Báo cáo toàn cầu, khu vực, và quốc gia, cũng đều được đăng tải trên trang hdr.undp.org.

Báo cáo phát triển con người cấp khu vực: Trong hai thập kỷ qua, các báo cáo HDR riêng của từng khu vực cũng đã được xuất bản tại tất cả các khu vực chính của thế giới đang phát triển với sự hỗ trợ từ các văn phòng UNDP khu vực. Với những phân tích mang tính khơi gợi và nhiều khuyến nghị chính sách rõ ràng, các báo cáo HDR khu vực đã xem xét nhiều vấn đề trọng yếu như tăng cường năng lực chính trị ở các quốc gia Ả rập, an ninh lương thực tại Châu Phi, biến đổi khí hậu ở Châu Á, ứng xử với các dân tộc thiểu số ở Trung Âu, và những thách thức bất bình đẳng và an ninh cá nhân ở Mỹ Latin và Caribe.

Báo cáo phát triển con người cấp quốc gia: Từ khi Báo cáo phát triển con người cấp quốc gia lần đầu tiên năm 1992, các Báo cáo loại này đã được xây dựng và phát hành tại 140 quốc gia do các ban biên tập của các quốc gia đó thực hiện với sự hỗ trợ từ UNDP. Tính đến hiện tại, gần 700 báo cáo đã ra đời mang đến nhiều phân tích có giá trị về chính sách quốc gia từ góc độ phát triển con người, dựa trên tham vấn và nghiên cứu tại chỗ. Các báo cáo HDR quốc gia đã bao phủ nhiều vấn đề phát triển lớn, từ biến đổi khí hậu, việc làm cho thanh niên, tới bất bình đẳng giới và dân tộc.

Các Báo cáo phát triển con người 1990–2013

1990	Khái niệm và thước đo phát triển con người
1991	Tài chính cho phát triển con người
1992	Các khía cạnh toàn cầu của phát triển con người
1993	Sự tham gia của người dân
1994	Các khía cạnh mới của anh sinh con người
1995	Giới và phát triển con người
1996	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người
1997	Phát triển con người để xóa đói giảm nghèo
1998	Tiêu dùng vì phát triển con người
1999	Toàn cầu hóa trên phương diện con người
2000	Nhân quyền và phát triển con người
2001	Phát huy hiệu quả của các công nghệ mới vì phát triển con người
2002	Tăng cường dân chủ trong một thế giới phân tách
2003	Các mục tiêu thiên niên kỷ: Thỏa ước giữa các quốc gia nhằm chấm dứt đói nghèo
2004	Tự do văn hóa trong thế giới đa dạng ngày nay
2005	Hợp tác quốc tế trước ngã ba đường: Viện trợ, thương mại, và an ninh trong một thế giới không bình đẳng
2006	Hơn cả sự khan hiếm: Quyền lực, nghèo đói, và khủng hoảng nước sạch toàn cầu
2007/2008	Đấu tranh chống biến đổi khí hậu: Đoàn kết nhân loại trong một thế giới bị chia rẽ
2009	Vượt qua rào cản: Khả năng di chuyển và phát triển con người
2010	Tài sản thực sự của các quốc gia: Con đường đi đến phát triển con người
2011	Bền vững và công bằng: Tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người
2013	Sự trỗi dậy của các nước Nam bán cầu: Tiến bộ của con người trong một thế giới đa dạng



Chương Trình Phát Triển Liên Hợp Quốc

Tòa nhà One United Nations Plaza

New York, NY 10017

www.undp.org

Thế kỷ 21 đang chứng kiến những sự chuyển dịch sâu sắc trong các xu thế vận động toàn cầu mà nguyên nhân chủ yếu là do sự trỗi dậy nhanh chóng của những sức mạnh mới từ các quốc gia đang phát triển. Trung Quốc đã vượt qua Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, kéo hàng trăm triệu người thoát khỏi tình trạng đói nghèo. Ấn Độ đang định hình cho mình một tương lai mới với tinh thần doanh nhân sáng tạo và đổi mới chính sách công. Brazil đang nâng cao mức sống bằng cách mở rộng quan hệ quốc tế và thực hiện các chương trình giảm nghèo được cả thế giới noi theo.

Nhưng “Sự trỗi dậy của các nước ở Nam bán cầu” là một hiện tượng lớn hơn nhiều. Indonesia, Mexico, Nam Phi, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và các quốc gia đang phát triển khác đang nổi lên thành những tác nhân dẫn đầu trên trường quốc tế. Báo cáo phát triển con người 2013 xác định hơn 40 quốc gia đang phát triển đã đạt những thành tựu vượt xa mong đợi về phát triển con người trong những thập kỷ gần đây, đặc biệt tăng nhanh nhất trong 10 năm vừa qua.

Mỗi quốc gia trong số này có lịch sử phát triển riêng và lựa chọn những con đường phát triển khác nhau.

Nhưng họ cũng chia sẻ nhiều đặc điểm quan trọng và cùng đối mặt với những thách thức chung. Do đó, các quốc gia liên hệ phụ thuộc lẫn nhau ngày càng chặt chẽ. Và người dân từ khắp các quốc gia đang phát triển ngày càng yêu cầu mạnh mẽ để tiếng nói của họ được lắng nghe khi họ chia sẻ ý tưởng của mình qua các kênh giao tiếp hiện đại và đòi hỏi các chính phủ và thể chế quốc tế có trách nhiệm hơn.

Báo cáo phát triển con người 2013 phân tích nguyên nhân và hệ quả từ “Sự trỗi dậy của các nước ở Nam bán cầu” đang diễn ra, cũng như xác định những chính sách cần thiết trong bối cảnh mới này để đẩy nhanh tiến trình phát triển trên toàn cầu trong những thập kỷ tiếp theo. Báo cáo kêu gọi một vị thế đại diện xứng đáng hơn dành cho các nước Nam bán cầu trong hệ thống quản trị quốc tế và chỉ ra những nguồn lực tiềm năng mới có thể khai thác để phục vụ phát triển những hàng hóa công cộng thiết yếu của các nước ở Nam bán cầu. Với một tầm sâu phân tích mới và những đề xuất rõ ràng về cải cách chính sách, Báo cáo vạch ra con đường giúp người dân ở tất cả các khu vực cùng chia sẻ những khó khăn thách thức trong phát triển con người một cách bình đẳng và hiệu quả.

“Báo cáo này giúp thay đổi nhận thức của chúng ta về thực trạng hiện tại của sự phát triển toàn cầu, và cho thấy chúng ta có thể học được gì từ kinh nghiệm tăng trưởng nhanh của rất nhiều quốc gia ở Nam bán cầu.”

—Tổng giám đốc UNDP Helen Clark, trích từ Lời nói đầu

“Phương thức tiếp cận dựa trên phát triển con người là một tiên bộ lớn trong nhiệm vụ khó khăn là tìm hiểu về những gì được coi là thành công và mất mát đối với cuộc sống con người, cũng như trong đánh giá tầm quan trọng của suy nghĩ và đối thoại, và qua đó tăng cường bình đẳng và công lý trên thế giới.”

—Nobel Laureate Amartya Sen, từ Chương 1

“Không ai độc quyền về ý tưởng, đó là lí do New York sẽ tiếp tục học hỏi kinh nghiệm từ các thành phố và quốc gia khác.”

—Thị trưởng thành phố New York Michael Bloomberg, từ Chương 3

“Nghiên cứu kỹ lưỡng những con đường đa dạng khác nhau mà các quốc gia đang phát triển thành công đã theo đuổi giúp làm giàu thêm kho ý tưởng chính sách của tất cả các quốc gia và khu vực.”

—Tác giả chính của Báo cáo, Khalid Malik, từ phần Giới thiệu